

## Tác Giả và Tác Phẩm

### **Bùi Giáng**

(Phần 2B)

#### **Tiểu sử**

Sinh ngày 17.12.1926 tại Quảng Nam. Mất ngày 17.8.1998 tại Sài Gòn.

#### **Tác phẩm**

Ngộ nhận (Albert Camus), Khung cửa hẹp (André Guide)



## Mục Lục

- Trường hợp Bùi Giáng – Nguyễn Hưng Quốc – 2
- Vài liên tưởng phân tâm học qua thơ Bùi Giáng - Hoàng Xuân Trường - 11
- Nhất phiến tài tình thiên cổ lụy – Bùi Chí Vịnh - 17
- Những buổi chiều nghệ thuật – Viên Linh - 21
- Xi phé với Bùi Giáng – Từ Kế Tường – 23
- Bùi Giáng – Võ Phiến - 26
- Một giải thưởng văn chương mang tên Bùi Giáng – Phạm Thị Hòa - 29
- Cuộc gặp gỡ kỳ thú Trịnh Công Sơn và Bùi Giáng - Vương Tâm – 30

### **Phụ đính I**

**Ba ngày với Bùi Giáng - Phan Thị Như Ngọc – 32**

### **Phụ đính II**

**Tuyển tập 10 bài thơ hay của Bùi Giáng được yêu thích nhất**

(tr 35)

*(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)*

## Trường hợp Bùi Giáng Nguyễn Hưng Quốc

Khi viết về thơ ở miền Nam trước 1975 cũng như thơ trong nước sau 1975, tôi ít nhắc đến Bùi Giáng. Không phải vì tôi đánh giá ông thấp. Ngược lại. Tôi đồng ý với Mai Thảo: Bùi Giáng là một tài thơ trác tuyệt. "Có Ông, thi ca mới đích thực có biển có trời" (1). Càng đọc Bùi Giáng tôi càng thấy ông lạ lùng. Con người ông lạ lùng: nói như Thanh Tâm Tuyền, qua lời kể của Mai Thảo, Bùi Giáng là người "ngủ ra thơ, thở ra thơ, đi ra thơ, đứng ra thơ. Chứ không phải nghĩ thơ, làm thơ" (2). Thơ ông càng lạ lùng, lạ lùng đến nỗi ai cũng ngại ngùng khi viết về ông. Kể chuyện về ông: có, nhưng phê bình thơ ông: chưa. Có lần, Thanh-Tâm-Tuyền gọi Bùi Giáng là một "thiên tài tự hủy ghê gớm nhất của thi ca Việt Nam hiện đại" và là "một hồn thơ bị vây khốn" (3). Bị vây khốn bởi cái gì? Theo tôi, Bùi Giáng bị vây khốn, trước hết, bởi những hoài nghi, những dằn vặt. Thì một số khá đông các nhà thơ khác ở miền Nam thời kỳ 1954-1975 cũng hoài nghi, cũng dằn vặt. Song, có điều, không ai sống đến tận cùng sự hoài nghi, sự dằn vặt như là Bùi Giáng. Thơ Bùi Giáng là những phún thạch phun lên từ hỏa diệm sơn của hồn ông. Nhưng khác các nhà thơ khác, Bùi Giáng lại ngụy trang thảm kịch của mình bằng một giọng cợt nhả, bông đùa. Trong một bài viết về Hàn Mặc Tử, sau khi ghi nhận thơ Hàn Mặc Tử là "một tiếng thét và một lời than. Tiếng thét đầy máu, tiếng than tràn ngập hư vô. Lúc hãi hùng khiếp đảm, lúc quạnh quẽ lạc phách xiêu hồn", Bùi Giáng nhắc đến thơ của chính ông như một sự so sánh:

"Thơ tôi làm...là một cách diu ba đào về chân trời khác. Đi vào giữa trung tâm bão giông một lúc thì lập thời xô ngôn ngữ thoát ra, phá vòng vây áp bức. Tôi gạ gẫm với châu chấu chuồn chuồn, đem phó thác thảm họa trần gian cho chuồn chuồn mang trên hai cánh mỏng bay đi. Bay về Tử Trúc Lâm, bay về Sương Hy Lạp, ghé Calvaire viếng thăm một vong hồn bát ngát, rồi quay trở về đồng ruộng làm mục tử chăn trâu. Làm mục tử chăn trâu không xong bỏ trâu bỏ chạy lạc, phá phách mùa màng khoai sắn, thì tôi chạy về bám vào ni cô cho phép con chuồn chuồn của tôi cư lưu một phút giây trong linh hồn bao dung phương trượng. Ni cô xua đuổi tôi thì tôi ra bờ sông nằm ngủ khóc một mình thơ dại giữa chiêm bao. Trong chiêm bao, thơ về lãng đãng thì từ đó vẫn bất tuyệt cũng lãng đãng chiêm bao".(4)

Có diu ba đào về chân trời nào khác thì ba đào vẫn cứ là ba đào, động biển vẫn cứ là động biển. Bay đi đâu cánh chuồn chuồn của Bùi Giáng cũng gặp giông bão. Giông bão dậy lên, trước hết, từ đôi cánh của nó: ngôn ngữ. Đã đành làm thơ, ai cũng chú trọng đến ngôn ngữ. Song tôi có cảm tưởng ít có ai bị ám ảnh bởi vấn đề ngôn ngữ một cách nặng nề, triền miên như Bùi Giáng. Chữ "ngôn ngữ" thường xuyên xuất hiện trong thơ ông, đặc biệt trong hai tập thơ mới xuất bản ở hải ngoại sau 1975 (5), ở đó câu Đường qua ngôn ngữ tuyệt trừ, Đường qua ngôn ngữ điệp trùng và Đường qua ngôn ngữ cuối cùng được nhắc đi nhắc lại nhiều lần trong nhiều bài thơ khác nhau. Hãy để ý đến nhóm từ "đường qua ngôn ngữ": với Bùi Giáng dường như công việc làm thơ chủ yếu là một cuộc hành trình vượt qua ngọn đèo cheo leo của ngôn ngữ trước khi là bất cứ một cái gì khác. Ngọn đèo ấy không những cheo leo mà còn mù mịt, thăm thẳm. Phần lớn các câu thơ kế tiếp mấy câu vừa dẫn đều là bóng đêm (Mừng xuân viễn vọng đêm bù cho đêm; Mừng xuân viễn vọng đêm lừng lẫy đêm; Mừng xuân viễn tuyệt đêm từng từng đêm...) Xuân, ừ thì xuân. Nhưng đêm vẫn mịt mù đêm. Đêm vô tận. Ngôn ngữ không làm cho bóng đêm ấy tan biến. Trái lại.

*Chấm ngòi bút sắt se vào mực  
Viết ra câu thúc giục sương mù  
(Mùa xuân chiêm bao)*

Trong lúc hầu hết các nhà thơ khác, mặc dù nhận chân được vị thế hẩm hiu của nhà thơ trong xã hội, vẫn tin tưởng vào ngôn ngữ và vẫn tự hào về công việc sáng tạo của mình, nói như Thanh Tâm Tuyền, "cuộc hành trình hoàn toàn cô độc" trên một "con đường chưa ai tới" (6),

Bùi Giáng, ngược lại, tuy vẫn làm thơ, hơn nữa, còn làm thơ cực kỳ nhiều, nhiều hơn bất cứ một người nào khác, lại có vẻ rất coi thường cái việc làm thơ ấy và chắc chắn là không mấy tin tưởng vào khả năng thể hiện của ngôn ngữ:

*Người điên ngôn ngữ điệp trùng  
Dở chừng như mộng dở chừng như mê  
Thừa em ngôn ngữ quặt què  
Làm sao nói hết nghiệp nghề người điên  
(Người điên)*

Trong quyển "Mùa thu trong thi ca", Bùi Giáng viết:

*Một hôm Mai Thảo bảo rằng  
Làm thơ bê bối sao bằng đi rong  
phổ phường mọc cỏ quanh năm  
(Sa mạc phát tiết)*

Có người đọc câu thơ thấy đâm ra bực mình hỏi: "Phổ phường đâu có cỏ nào mọc! Thằng thi sĩ ăn nói tầm phào, sai sự thật!" Ấy thế là người ta cưỡng bức thi ca một cách không chính đáng. Và trầm trọng hơn nữa, người ta tưởng chừng như tin rằng ngôn ngữ có thể nói ra được sự thật. Tưởng chừng như người ta chẳng bao giờ suy gẫm về Kim Cương Kinh. "Thế gian ngôn ngữ phi chân kinh".(7)

Ngôn ngữ không những quặt què, không những không nói ra được sự thật mà, hơn nữa, trong thời hiện đại, đặc biệt khi cuộc chiến tranh lạnh giữa hai khối Tư bản - Cộng sản đang gay gắt, khi cuộc chiến tranh giữa hai miền Nam và Bắc Việt Nam đang ác liệt, khi vấn đề thắng bại không những được quyết định ngoài chiến trường mà còn trên các bàn hội nghị quốc tế, ngôn ngữ còn có tác dụng ngược lại: nó che giấu sự thật và, thay vì đem lại sự cảm thông giữa loài người, nó lại làm cho con người ngộ nhận lẫn nhau, thù ghét lẫn nhau, say sưa chém giết lẫn nhau. Đó là lý do tại sao Bùi Giáng lại:

*Tôi gọi Mỹ Tho là Mỹ Thỏ  
Mỹ Thọ muôn đời là lục tỉnh hôm nay  
Tôi gọi Sóc Trăng là Sóc Trắng  
Gọi người sương phụ gái thơ ngây  
(Lấn lộn lung tung)*

Bùi Giáng xáo trộn chữ nghĩa để nói lên một sự thật: ngôn ngữ đang bị xáo trộn, đang bị tha hóa. Bùi Giáng gọi Mỹ Tho là Mỹ Thỏ, Mỹ Thọ, người ta cho là hài hước hoặc điên khùng, nhưng chẳng phải là trong cuộc sống, người ta đã không từng gọi một kẻ bán nước là yêu nước, một kẻ giết người như ngoé là nhân đạo, một kẻ bắn súng vào anh em vào đồng bào vào đồng loại vì một thiên đường không tưởng nào đó là cách mạng đó ư? Chẳng phải là người ta đã không từng gọi nhà tù là trại học tập, độc tài là tập trung dân chủ, sự ngu dốt là đỉnh cao trí tuệ, khổ xanh khổ đỏ là quốc gia, thái độ khom lưng trước ngoại bang là biểu hiện của tinh thần dân tộc đó ư? Thử thế chữ Mỹ Tho bằng bất cứ chữ nào trong từ điển chính trị Việt Nam hiện đại, người ta sẽ thấy ngay cái điều mà Ionesco từng nói: "một nền văn minh của ngôn ngữ là một nền văn minh quản trị, hỗn độn" (8). Ngôn ngữ mất linh hồn. Ngôn ngữ xác xơ, rách mướp, toi tả. Nhiều người thuộc loại nhạy cảm nhất trong thời đại chúng ta đã thất vọng não nề. Sự thất vọng ấy ở Tây phương, dẫn đến sự im lặng của một số người cầm bút, sự ra đời của loại kịch không lời; ở Bùi Giáng, tạo ra những vần thơ đại loại thế này:

*..Một hai hai một di hài  
Dài hi hữu mộng an bài chằm ma  
Chả xin? Chả hỏi? Vịt gà?  
Và thân thể máu me và thịt xương...*

...Ma đên ì nễ ô mà  
Xơ tin ô đố đâu là đến đây  
Xền nô đô thí xi đây  
Xè rê tê nén ngọn lầy lội con  
A tin a tỉ oan hồn  
Vong lưu lý lấy cung đờn cọt trêu  
Người ơi ô ướt dẫu bèo  
Ồ thôi thế vậy thu vèo sang thu  
Lùng bay thân thế pha mù  
Sương mây tuyết dẩy thân bù cho thân  
(Đạm Tiên)

Gắn liền với sự hoài nghi ngôn ngữ là sự hoài nghi lý trí. Trong lúc hầu hết các nhà thơ khác, mặc dầu hoài nghi lý trí, luôn luôn khắc khoải tìm kiếm sự thật, với niềm tin dù mơ hồ và mong manh, là sự thật ấy có đâu đó, sẽ gặp được một ngày. Bùi Giáng, ngược lại, tuy dịch và viết khá nhiều tác phẩm về triết học hiện đại Tây phương, lại hoàn toàn phủ nhận đầu óc duy lý của Tây phương, hoàn toàn mất niềm tin với mọi cái gọi là chân lý. Cuộc đời, với Bùi Giáng, là chuỗi dài những nghi vấn và phần nộ:

*Đi vào giữa cuộc thị phi  
Nửa tam bành tới nửa nghi vấn về  
(Y ư mộng, du ư mê)*

Làm thơ, với Bùi Giáng, là một hành động phản kháng, phản loạn. Như Từ Hải trong truyện Kiều của Nguyễn Du: Sao bằng riêng một biên thù

*Cõi điên vũ trụ tùy nghi tung hoành  
Xiết bao vô ngại ngọn ngành  
Chọc trời khuấy nước tan tành thịt xương  
Ấy như thể, ấy như đường  
Đi vô tận ý đi đường chọn không  
Đi mây gió đi phiêu bồng  
Ngàn trắng ngậm bóng sương đồng ra đi  
Đi về thể lệ lâm ly  
Đi đi suốt cõi lời nghi vấn lời.  
(Sao bằng)*

Nghi vấn. Lúc nào cũng nghi vấn. Nghi vấn cả lời nói của mình. Bài thơ Tặng Mã Giám Sinh là một bài thơ hay:

*Hỏi tên? Rằng biển dâu xanh  
Hỏi quê? Rằng mộng ban đầu đã xa  
Gọi tên? rằng một hai ba  
Đếm là diêu tượng đo là nghi tâm.*

Tôi đoán là Bùi Giáng rất tâm đắc bài thơ này. Nó được in lần đầu trong "Mùa thu trong thi ca" với tựa là "Mã Giám Sinh", sau in lại trong "Thơ Bùi Giáng" xuất bản tại Canada năm 1990 với sự thay đổi nhỏ: thêm chữ "tặng" ở tựa đề. Có hay không có chữ "tặng", thật ra cũng chả có gì quan trọng. Cũng như mọi cái tựa trong thơ Bùi Giáng chả có gì là quan trọng. Lười, ông thường nhặt bất cứ từ hay nhóm từ nào trong bài dùng để làm nhan đề. Bài thơ trên được đặt tựa là Mã Giám Sinh hay Tặng Mã Giám Sinh có lẽ để ghi lại xuất xứ một nguồn cảm hứng: nó xuất phát từ mấy câu thơ trong Truyện Kiều có liên quan đến Mã Giám Sinh:

*Hỏi tên, rằng: Mã Giám Sinh  
Hỏi quê, rằng: huyện Lâm Thanh, cũng gần.*

Trong bài Chiều nguyên xuân in trong tập Mưa Nguồn, xuất bản từ năm 1963, Bùi Giáng đã bị ám ảnh bởi vấn đề quê hương:

*Hỏi rằng: người ở quê đâu*

*Thưa rằng: tôi ở rất lâu quê nhà*

Từ "ở rất lâu quê nhà" đến "mộng ban đầu đã xa", tư tưởng của Bùi Giáng đã vượt biên, lấn sang một tầm khác. Với một sức oằn khác. Dấu sao, ở đây điều quan trọng nhất là câu cuối cùng: "đêm là điệu tưởng đo là nghi tâm". Mọi sự phân biệt đều bị xóa nhòa. Tôi cho đây là đặc điểm nổi bật nhất trong phong cách thơ Bùi Giáng: Thơ Bùi Giáng chính là sự xóa nhòa của mọi đường biên quen thuộc vốn được mọi người chấp nhận như là một quy ước, một luật lệ trong văn học từ xưa đến nay.

Thứ nhất là xóa nhòa những đường biên về giọng điệu. Những ai từng viết lách ít nhiều cũng đều hiểu cái khó nhất đối với người cầm bút là pha trộn giọng điệu, nghĩa là, chẳng hạn, vừa nghiêm túc lại vừa cười cợt, vừa uyên bác lại vừa bình dân, vừa suy tư lại vừa thích thẳng. Bùi Giáng vượt qua tất cả những khó khăn ấy một cách nhẹ nhàng. Ví dụ dưới đây, tôi chọn một cách tình cờ:

*"Hai cô bán phở dụi dằm*

*Đừng nên nói bậy hai nàng buồn ta"*

*-Trăm từ lịch kiếp phôi pha*

*Tái sinh bất chợt mà ra phụ lòng*

*Tình thương ẩn mặt từ trong*

*Nội tâm vô tận mà long đong vì*

*Phong tao phấn đại tượng nghi*

*Tùy thời thể dựng mà tùy nhiên là.*

*(Tặng quán phở Huyền Trân)*

Ai cũng thấy rõ hai câu đầu và sáu câu sau có giọng điệu khác hẳn nhau. Vậy mà, riêng tôi, thú thật, tôi không hiểu tại sao Bùi Giáng có thể chuyển từ hai câu đầu xuống sáu câu dưới một cách dễ dàng tự nhiên như vậy. Mà đây cũng lại là một đặc điểm rất phổ biến trong thơ Bùi Giáng. Nói một cách tóm tắt, thơ ông có hai loại từ vựng: một loại tạm gọi là bác học và một loại tạm gọi là bình dân. Bác học thì như thực nữ, thuyên quyên, cảo thơm, thượng thừa, miên trường, đoạn trường, băng tuyết, thập thành v.v...nghĩa là những từ Hán Việt lâu lắm không còn được sử dụng nữa. Còn bình dân thì như đại ca, Huê ky., Liên Xồn, lai rai, nhậu nhẹt, máu me, số dzách, dẫn bước, dẫn liều v.v...nghĩa là những khẩu ngữ còn lắm lem bụi bặm ngoài đường ngoài phố. Cả hai loại đều dễ khiến giới làm thơ chùn tay. Dùng loại trên thì dễ có nguy cơ trở thành sáo, cổ. Dùng loại dưới thì dễ có nguy cơ trở thành nhả nhót, rẻ tiền. Bùi Giáng hoàn toàn thoát khỏi hai nguy cơ ấy. Hơn nữa, ông còn hòa trộn cả hai loại ngôn ngữ ấy lại với nhau một cách tài tình. Đọc, người ta không hề có chút cảm giác lấn cấn nào. Như một phép màu. Gắn liền với sự xóa nhòa trên là một sự xóa nhòa khác: xóa nhòa ranh giới giữa truyền thống và hiện đại. Không phải Bùi Giáng kết hợp truyền thống và hiện đại, như cái điều chúng ta có thể nói về một số nhà thơ khác. Nói đến sự kết hợp giữa truyền thống và hiện đại tức là thừa nhận chúng ta có thể ít nhiều khu biệt đâu là truyền thống và đâu là hiện đại. Ở Bùi Giáng, mọi nỗ lực khu biệt ấy đều trở thành vô vọng. Ở Bùi Giáng, tính chất truyền thống và tính chất hiện đại tan hòa vào với nhau. Là một. Thể thơ ông dùng: cũ; hình tượng ông dựng: cũ; ngôn ngữ ông viết: cũ, thế nhưng, rất lạ, toàn bộ bài thơ của ông thì lại mới, mới như chưa từng có ai viết được như thế. Mới đến độ tôi có cảm tưởng phần lớn những từ, những chữ nào đã được Bùi Giáng sử dụng một lần đều trở thành của riêng của Bùi Giáng, một thứ tài sản của Bùi Giáng, trên đó có dấu ấn của Bùi Giáng; sau đó, ai dùng lại những từ ấy, chúng ta cứ ngỡ ngỡ như họ ăn cắp của Bùi Giáng. Đọc thơ của bất cứ người nào, hễ gặp chữ "giữ áo", "rớt hột", "đười ươi", "chuồn chuồn", "châu chấu"...chúng ta hay tri hô lên: Bùi Giáng! Ngay cả một số từ quen thuộc hơn, như "thập thành", "máu me", "lai rai"...chúng ta cũng lại tri hô lên: Bùi Giáng! Trong

lịch sử thi ca Việt Nam hiếm có trường hợp nào lạ lùng đến như vậy. Phần lớn, tính chất độc đáo chỉ ở cấp độ bài hoặc cấp độ câu. Ở Bùi Giáng, tính chất độc đáo thể hiện ngay ở đơn vị từ. Với sự xuất hiện của Bùi Giáng, số phận các nhà thơ đâm ra lao đao hẳn. Khi chọn chữ không khỏi có cảm giác e dè vì sợ dẫm vào dấu chân của Bùi Giáng.

Thứ ba, là sự xóa nhòa ranh giới giữa cái gọi là thơ và cái gọi là phi thơ. Ngổn ngang trong thơ Bùi Giáng những chi tiết ngỡ như không bao giờ thành thơ được, ngỡ như mãi mãi thuộc thể giới của văn xuôi, của tiểu thuyết, của đời thường. Nhớ người yêu, có lẽ ai cũng nhớ như Bùi Giáng nhưng không có ai viết được như Bùi Giáng:

*Bây giờ em đứng nơi đâu  
Cỏ trong mình mấy em sầu ra sao  
(Gửi thôn nữ Vĩnh Trinh)*

Bùi Giáng có tài hóa giải những tình thế oái oăm: cái đáng lẽ sàm sỡ, dưới ngòi bút ông, tự nhiên thành thơ mộng, thiết tha, tội nghiệp. Bùi Giáng cũng có tài làm cho những cái lắt nhắt trở thành mệnh mang:

*Sáng nay bao tử mơ màng  
Cà phê bên nọ, cháo lòng bên kia  
(Sáng nay)*

Tất cả những chi tiết ấy đều tầm thường đến độ nhảm nhí. Đi vào thơ Bùi Giáng, tự dưng chúng lại có một âm vang gì rất lạ, rất xa, tưởng như không còn là chuyện "cà phê" hay "cháo lòng" nữa.

Một nỗi phân vân giữa cuộc đời, chẳng hạn. Một niềm xót xa trong cảnh khốn cùng, chẳng hạn. Bùi Giáng còn có tài làm cho những cái linh thiêng trở thành bình thường. Những Thượng Đế, Phật, Thánh Hiền... đi vào thơ ông, mất một chút hào quang, song bù lại, dường như đẹp hơn. Bùi Giáng làm cho cái đáng kính biến thành cái đáng yêu. Hình tượng ni cô trong thơ ông là một ví dụ. Bùi Giáng cũng lại có tài làm cho cái thô và tục trở thành những cái thơ mộng, xôn xao. Cuối cùng, thứ tư, tôi tạm gọi là sự xóa nhòa giữa cái lý và cái phi lý; ít có ai để ý trong thơ Bùi Giáng có đặc điểm này: ông rất thích dùng những từ có tính chất lý luận như "mặc dù", "càng...càng", "vẫn là", "và", "vì". "rằng", "bởi chưng", "chỉ e", "té ra", và đặc biệt, nhiều nhất là từ "tuy nhiên"... Chắc chắn là không có nhà thơ nào dùng các từ này nhiều bằng ông. Thế nhưng, cách Bùi Giáng sử dụng các liên từ này rất lạ lùng, không giống bất cứ người nào trước ông hoặc sau ông. Xin hãy đọc lại bài Tặng quán phở Huyền Trần dẫn ở trên, và hãy chú ý đến ba câu cuối cùng: chữ "vì" và chữ "là" đứng hết sức lừng lờ. Chúng không nối kết cái gì cả. Chúng cũng không giải thích cái gì cả. Chúng hoàn toàn trái ngược mọi luật lệ ngữ pháp. Chúng thường xuất hiện ở những vị trí thật bất ngờ: ở cuối câu, thường là câu cuối bài:

*-Em về - nhà cửa nhỏ nhoi  
Buồn rầu khôn xiết em soi gương và...  
(Em đi)*

*-Nói đuôi khởi sự từ đầu  
Ví dụ kết thúc trước sau vẫn là...  
(Vẫn là là)*

*-Bá phương phảng phất rồi xa  
Mùi hương xa vắng càng xa xôi càng...  
(Băng tâm)*

*-Mai sau dù có đi về  
Xin nhìn gió rụng ngành tre thưa rằng...  
(Em về)*

Một điều vừa thú vị vừa khó hiểu là: người đọc thơ Bùi Giáng lại ít chú ý, không bị giật mình vì những cách dùng từ, đặt câu ngược ngạo như vậy. Mà, ở những trường hợp này, Bùi Giáng đều cố tình cả. Một mặt, tần số xuất hiện của những kiểu câu như thế ê hề, mặt khác, nhiều lúc Bùi Giáng đem những liên từ lý luận ra đùa nghịch:

*-Nếu và nhưng vẫn ắt rằng  
Tuy nhiên thế nợ thường hằng thế kia  
Và nhưng tuy dấu là chia  
Lìa cha biệt mẹ bốc tia sinh tồn  
(Tuy nhiên)  
-Tuy nhiên đất quạnh sơn hà  
Còn tuy nhiên mãi họa là nhiên tuy  
(Ich dụng hung sự)  
-Màn rãng ra rứa ví dù  
Màn ri thế nợ tịt mù thế kia.  
(Mỗi ngày)*

Một lần, Bùi Giáng giải thích: "Dù sao, tôi nói dù sao, bởi vì thiên hạ vốn ưa thích dù sao. Cho có mạch lạc. Chứ thật tình tôi chẳng rõ sao gọi là mạch lạc liên tục ngụ trong tính tình của ngôn ngữ dù sao dao sù" (9)

Cách phân tích như trên khá nguy hiểm: nó dễ làm cho người ta có cảm tưởng thơ Bùi Giáng là một cái gì tĩnh tại và cố định. Thật ra, không phải. Theo dõi thơ Bùi Giáng chúng ta sẽ nhận ra ông thay đổi không ít. Tập Mưa Nguồn xuất bản năm 1962 rất trong sáng; từ tập Ngàn thu rớt hột (1963) về sau, thơ ông tối tăm hẳn; sau năm 1975, ở hai tập thơ xuất bản tại hải ngoại, thơ ông trong sáng trở lại, nhưng so với Mưa Nguồn, đậm hơn, lắng hơn và chín hơn. Mưa Nguồn là niềm nhớ thương đồng ruộng không nguôi:

*-Viết thơ lạc dấu sai dòng  
Viết trong tức tưới sọ đồng lúa mong  
-Viết thơ là trở lại bên  
Con người thôn nữ rãng đen hai hàng  
(Ca dao)*

Sau này, ông vẫn băng khuâng nhớ đồng quê. Chỉ băng khuâng thôi. Nghĩa là rất man mác. Có một câu thơ có lẽ ông thích, cứ lặp đi lặp lại rải rác ở nhiều bài thơ khác nhau:

*Trông về đồng ruộng đôi khi  
Thị thành tâm sự hoài nghi trắng tà  
(Gấu buồn)*

Nhưng tâm sự chính của ông là nỗi tuyệt vọng về khả năng giao cảm giữa người và người, niềm cay đắng trước một xã hội ngày một đảo điên. Ông hoàn toàn cô độc:

*quay về một cõi riêng thôi  
liệu trong tác cỏ kiếm trời ba xuân  
(Đời rộng đương chìm)  
Ông làm thơ cho hư không:  
Bây giờ xin ngó cụm cây  
Chấp hàng viết nốt áng mây về trời  
(Bây giờ)  
Ông đọc thoại:  
Ngàn năm độc đối riêng hàng  
Tờ xanh ứa lệ đắm trang xuân đầu  
(Khởi từ)*

Có khi ông im lặng:  
*Từ đây đổi vịt thay gà*  
*Chán chường đến thế là ta ngậm lời*  
(Nhà ma đi đời)

Sau 1975, cảm giác cay đắng và tuyệt vọng ấy, không hiểu tại sao dường như nhẹ nhàng đi nhiều. Đời sống ông cơ cực hơn, những cơn điên đến với ông thường xuyên hơn (10), song thơ của ông lại có vẻ thanh thản hơn. Ông bớt những thắc mắc siêu hình để quan tâm hơn đến khía cạnh cảm xúc, từ đó, nhấn mạnh đến yếu tố tâm hồn, coi đó là nguồn gốc của thơ:  
*Chợt mùa thơ vội đổi giò*  
*Cối nguồn cũng bởi tự lòng mà ra*  
(Từ bấy tới nay)

Với quan niệm như vậy, thơ không còn là trò đùa nghịch chữ nghĩa nữa mà là một sự bộc bạch tâm sự:  
Lời tỉnh táo, lời mê man  
Điệu thể thiết rỗng điệu bằng hoàng ca  
(Y ư mộng du ư mê)

Do đó, ông khao khát được thông cảm:  
Xổ bầu tâm sự điều linh  
Ai người chia sẻ với mình với ta  
(Một giờ)

Bài Bao giờ in trong tập Thơ Bùi Giáng do Thế Kỷ 21 xuất bản là một bài thơ hay:  
*Bằng bút chì đen*  
*Tôi chép bài thơ*  
*Trên tường vôi trắng*  
*Bằng bút chì trắng*  
*Tôi chép bài thơ*  
*Trên lá lục hồng*  
*Bằng cục than hồng*  
*Tôi đốt bài thơ*  
*Từng phút từng giờ*  
*Tôi cười tôi khóc băng quơ*  
*Người nghe cười khóc có ngờ chi không*

Thơ, với Bùi Giáng, trước hết là một sự hiện hữu cụ thể với những màu sắc cụ thể nhất định: đó là một văn bản với những từ, ngữ, giấy, mực cụ thể. Văn bản ấy có đời sống riêng của nó: có sinh có tử. Nhưng đằng sau, ẩn náu phía trong cái hình thức cụ thể ấy lại là một tâm tình, là tiếng cười, là tiếng khóc. Tâm tình của người làm thơ òa vỡ bất chấp những giới hạn tự thân của ngôn ngữ:

Ngữ ngôn khép kín mặc dầu  
Hùng tâm tim máu óc đầu mở ra  
(Bé con ơi)

Bùi Giáng băn khoăn:  
*Tôi cười tôi khóc băng quơ*  
*Người nghe cười khóc có ngờ chi không?*

Bùi Giáng lại năn nỉ:



*Tặng nhau từ ngữ lạc lằm  
Cũng xin hồng lệ hãy đầm đìa tuôn  
(Y ư mộng du ư mê)*

Trong bài Thuở chưa điên in trong tập Thơ Bùi Giáng do Việt Thường xuất bản tại Canada năm 1990, Bùi Giáng tự so sánh thơ mình ngày trước với thơ mình bây giờ:

*Ấy là thơ thuở chưa điên  
Ở trong dấu ngoặc quàng xiên reo cười  
Bây giờ xoang điệu đười ươi  
Điệu hoa lâu các ngậm ngùi dấn thân*

Sự khác nhau không phải ở chỗ: có lúc ông "quàng xiên reo cười", có lúc ông lại "ngậm ngùi dấn thân". Ở Bùi Giáng, cái cười và cái khóc đôi khi rất giống nhau. Theo tôi, chỗ khác nhau căn bản là: trước đây, Bùi Giáng loay hoay mãi trong "dấu ngoặc" của ý thức, của cái tôi; sau này, ông tung hệ hết, ông hòa nhập vào cái chung của cuộc đời:

*Ta quên như thể mình ta quên mình  
(Tặng hai cháu Quỳnh và Na)  
Ông trở thành dễ thương và tội nghiệp vô cùng:  
Trái tim mỗi mới mỗi ngày  
Mỗi giờ phút động mây trời rung rinh  
Đường đi mất hút thành linh  
Những khuôn mặt lạ những hình ảnh quen  
Tạm nhờ men rượu người quên  
Niềm vui nỗi nhớ chênh vênh lạ lùng  
(Đường quanh ngõ quẹo)*

Ở khía cạnh này, có thể nói Bùi Giáng xóa nhòa ranh giới giữa cái tôi và cái ta, giữa cái riêng và cái chung: Hoặc rằng người cũng là tôi

*Hay là tôi cũng là tôi như người  
Ấy rằng tinh thể đười ươi  
Lời rằng quyết tuyệt và tươi vui và  
Ấy rằng một cũng là ba*

Là hai mai một một là hôm nay. Xóa nhòa. Xóa nhòa ranh giới giữa các giọng điệu, giữa truyền thống và hiện đại, giữa thơ và phi thơ, giữa cái lý và cái phi lý, giữa cái tôi và cái ta, cái riêng và cái chung, xóa nhòa mọi sự phân biệt, biện biệt; theo tôi, đó là những đặc điểm nổi bật nhất trong thơ Bùi Giáng. Bằng những sự xóa nhòa ấy, Bùi Giáng xóa nhòa luôn cả ranh giới giữa cái gọi là văn hóa cao cấp và văn hóa bình dân. Đồng thời, Bùi Giáng cũng xóa nhòa luôn cả tính chất nghiêm nghị, nghiêm túc với những khẩu hiệu ồn ào như "vị nhân sinh", "vị nghệ thuật" vốn kéo dài rất lâu trong văn học Việt Nam. Khác với các nhà thơ khác, lúc nào cũng nhăn mặt nhíu mày, lao vào thơ như lao vào một trận địa, kỳ khu và khắc khổ, lúc nào cũng khắc khoải sáng tạo ra cái mới, mà chưa chắc đã mới và chưa chắc đã hay. Bùi Giáng, ngược lại, làm thơ cứ như đùa như giỡn, như không phải đang làm thơ, vậy mà tự nhiên thơ lại trở thành bát ngát, lấp lánh và lộng sắc lộng hương. Mai Thảo kể: "ba chữ "vui thôi mà" là câu trả lời mơ hồ nghịch ngợm duy nhất của Bùi Giáng trước mọi tìm hiểu của (về?) lực thơ và số lượng thơ không thể tưởng tượng được ở nơi ông", rồi bình tiếp: "thơ Bùi Giáng vui thật. Một ví đại vui" (11). Theo Leslie Fiedler, sự xóa nhòa văn hóa giữa văn hóa bình dân và văn hóa cao cấp, và cùng với nó, việc đoạn tuyệt với chủ nghĩa đặc tuyển (elitism) và tính chất nghiêm cẩn (seriousness) là những đặc điểm chính yếu của chủ nghĩa hậu hiện đại (postmodernism) (12). Ở khía cạnh này, Bùi Giáng rất gần các nhà thơ hậu hiện đại.

Bùi Giáng còn gần gũi các nhà thơ hậu hiện đại ở một khía cạnh khác nữa: một số khá nhiều các bài thơ của ông là loại thơ không thể giảng. Susan Sontag cho một trong những đặc trưng lớn của chủ nghĩa hậu hiện đại là tính chất phản diễn dịch (anti-interpretation), là sự nhấn mạnh vào hình thức và sự trình diễn (performance) hơn là nội dung và ý nghĩa (13). Chúng ta biết theo quan niệm của Ferdinand de Saussure, ngôn ngữ chỉ là một hệ thống ký hiệu, ở đó, mỗi đơn vị ký hiệu đều có hai mặt: cái biểu đạt (signifier) và cái được biểu đạt (signified). Cái biểu đạt là âm hoặc chữ viết. Cái được biểu đạt là ý niệm do âm hoặc chữ viết ấy gợi lên trong đầu chúng ta. Ví dụ, nghe âm "chó" (cái biểu đạt), chúng ta nghĩ ngay đến giống vật thường được nuôi trong nhà (cái được biểu đạt) (14). Từ đó, người ta đi đến chỗ coi bài thơ cũng là cái biểu đạt. Đọc thơ là để tìm kiếm cái được biểu đạt, tức ý nghĩa, điều ẩn giấu phía sau bài thơ. Với Bùi Giáng, cũng như với các nhà thơ hậu hiện đại, ngược lại, bài thơ là cái được biểu đạt chứ không phải là cái biểu đạt. Nói cách khác, bài thơ là bài thơ. Không có ý nghĩa nào ẩn sau bài thơ để chúng ta đào xới, tìm kiếm. Nó giống như một bức tượng đá. Bề mặt: đá; trong ruột: cũng là đá. Do đó, nếu hỏi ý nghĩa bài thơ Đạm Tiên tôi dẫn ở trên là gì ư? Chịu! ý nghĩa của nó là chính sự hiện hữu của nó, là bài thơ có nhan đề Đạm Tiên, vậy thôi! Chúng ta không thể phân tích. Chúng ta chỉ cần nghiệm (experience). Đọc lần thứ nhất: chúng ta không hiểu gì cả. Đọc lần thứ hai: chúng ta vẫn không hiểu gì cả. Nhưng càng đọc, chúng ta càng nghe rõ, càng thấm, càng cảm cái nhạc điệu lằm rằm, lằm rằm của bài thơ. Nghe như thần chú. Như tiếng tụng kinh. Như lời cầu hồn. Chúng ta sống trong một không khí huyền bí, ma quái, không có gì rõ nét. Thì Đạm Tiên là một bóng ma mà! Ở nhiều bài thơ khác, điều chúng ta nghiệm được thường là sự bất lực của ngôn ngữ; chúng ta không hiểu vì chính nhà thơ cũng không thể diễn tả được những gì ông chỉ cảm nhận một cách mơ màng hoặc bằng trực giác hoặc bằng tiềm thức.

Chúng ta có thể gọi Bùi Giáng là nhà thơ hậu hiện đại được chăng? Khái niệm hậu hiện đại, mặc dầu xuất hiện từ thập niên 30 và 40 với Frederico de Oniz, Dudley Fitts và Arnold Toynbee, được sử dụng khá nhiều tại Mỹ vào thập niên 50 và 60, trở thành thời thượng tại Âu Mỹ từ giữa thập niên 80 đến nay (15), vẫn còn khá xa lạ với giới cầm bút Việt Nam. Điều đó dễ gọi cho chúng ta ấn tượng chủ nghĩa hậu hiện đại là cái gì rất mới, chỉ gần đây thôi, gắn liền với máy vi tính, chẳng hạn. Tuy nhiên, trên thực tế, khác hẳn. Danh sách các nhà thơ hậu hiện đại được Jerome Mazzaro phê bình trong quyển Postmodern American Poetry bao gồm W.H.Auden (1907-73), Randall Jarrell (1914-65), Theodore Roethke (1908-63) v.v..(16). Với Margaret E. Gray, ngay cả Marcel Proust (1871-1922) cũng là một nhà văn hậu hiện đại (17). Chúng ta có thể gọi Bùi Giáng là nhà thơ hậu hiện đại hay hậu "iện" đại (người vượt ra ngoài chủ nghĩa "iện" đại tại Việt Nam) hay "ậu" hiện đại (người ít nhiều - chứ chưa hoàn toàn - nhích ra khỏi chủ nghĩa hiện đại theo cách hiểu truyền thống tại Tây phương) được chăng? Dù sao, vấn đề xác định danh xưng ở đây, tôi nghĩ, cũng không phải là điều quan trọng. Quan trọng hơn, chúng ta cần ghi nhận đóng góp lớn lao của Bùi Giáng: ông đã tiến một bước khá xa trên con đường hòa giải giữa thơ và hiện thực cũng như giữa nhà thơ và người đọc.

Chú thích:

- (1) Mai Thảo (1994), "thay lời bạt: Một vài kỷ niệm với Bùi Giáng", in trong tập Thơ Bùi Giáng, nxb Thế kỷ 21, California, 1994. tr. 146.
- (2) Như trên, tr. 139.
- (3) Thanh Tâm Tuyền (1994) "Bùi Giáng, một hồn thơ bị vây khốn", Tạp chí Thơ (Cali) số 1.
- (4) Bùi Giáng (1969), Thi ca tư tưởng, Ca Dao, Saigon. tr, 102-3.
- (5) Thơ Bùi Giáng, Việt Thường xuất bản tại Montreal, 1990 và Thơ Bùi Giáng, Thế Kỷ 21 xuất bản tại CA, 1994. (6) Trong bài "Bao giờ" và "Bài thơ của tháng giêng" in trong tập Liên, đêm mặt trời tìm thấy, nxb Sáng Tạo, Saigon, 1964.
- (7) Bùi Giáng (1970) Mùa thu trong thi ca, Sống Mới in lại tại hải ngoại, không ghi năm, tr. 223-4
- (8) Dẫn theo Steiner, G. (1967) Language and Silence, Faber & Faber, London, tr. 72.

- (9) Bùi Giáng (1970) Mùa thu trong thi ca, sđd. tr. 17.  
 (10) Xem Phạm Xuân Đài, "Kẻ cuồng sĩ trong vườn cây" lời tựa tập Thơ Bùi Giáng, Thế Kỷ 21,  
 (11) Mai Thảo (1994), bài đã dẫn, tr. 141.  
 (12) Fiedler, L. (1975) "Cross the Border - Close the Gap: Postmodernism" in trong tập  
 American Literature since 1900 do Cunliffe chủ biên, Sphere Books, London, 1975, tr. 344-366.  
 (13) Sontag, S. (1966), Against Interpretation and Other Essays, Delta, New York.  
 (14) Tác phẩm chính của Saussure, Cours de linguistique générale, in tại Paris năm 1916, sau  
 đó, được dịch ra nhiều thứ tiếng và tái bản rất nhiều lần; một thời gian dài, ít nhất cho đến đầu  
 thập niên 70, được xem như một tác phẩm kinh điển trong ngành ngôn ngữ học trên khắp thế  
 giới. Về Saussure, có thể xem quyển sách giới thiệu rất hàm súc của Jonathan Culler, 1976.  
 (15) Về lịch sử thuật ngữ "chủ nghĩa hậu hiện đại", có thể xem: Bertens, H. (1986), "The  
 Postmodern Weltanschauung and Its Relation with Modernism: An Introductory Survey" in trong  
 Approaching Postmodernism do Fokkema, D & Bertens, H. biên tập, John Benjamins xuất bản  
 tại Amsterdam, 1986, tr. 9-51; Best, S & Kellner, D. (1991), Postmodern Theory, Macmillan,  
 Hampshire, tr. 1-33. Về chủ nghĩa hậu hiện đại trong lãnh vực văn học, có thể xem: Hassan,  
 (1982), The Dismemberment of Orpheus: toward a Postmodern Literature, Oxford University  
 Press, NY.; Hassan, I. (1987), The Postmodern Turn: Essays in Postmodern Theory and  
 Culture, Columbus; Spanos, W. (biên tập) (1979), Martin Heidegger and the Questions of  
 Literature: toward a Postmodern Literary Hermeneutics, Indiana University Press, Bloomington;  
 Connor, S. (1989), Postmodernist Culture: an Introduction to Theories of the Contemporary,  
 Basil Blackwell, Oxford, đặc biệt chương 4, "Postmodernism and Literature", tr. 103-131;  
 McHale, B. (1986), "The Semantic and Syntactic Organisation of Postmodernist Texts" in trong  
 tập Approaching Postmodernism, sđd, tr. 81-98; và Jameson, F. (1988), "Postmodernism and  
 Consumer Society" in trong Postmodernism and its Discontents: Theories & Practices.  
 (16) Mazzaro, J. (1980), Postmodern American Poetry, University of Illinois Press, Urbana.  
 (17) Gray, M. E. (1992), Postmodern Proust, University of Pennsylvania Press, Philadelphia.

## Vài liên tưởng phân tâm học qua thơ Bùi Giáng Hoàng Xuân Trường

Em, người thôn nữ bờ mương  
 Ngồi nhìn cá nhảy lên vườn như chim  
 Tôi, người viễn khách đưa tin  
 Bỗng đờ đẫn đứng chột nhìn nhận ra



Tôi đã đọc rất nhiều thơ, nhưng bốn câu thơ trên của Bùi Giáng không hiểu sao  
 đeo đuổi tôi suốt mấy chục năm qua. Mỗi lúc chợt nhớ đến, tôi cứ luôn tự hỏi khi  
 cái hình ảnh siêu thực của người thôn nữ ngồi nhìn cá nhảy lên vườn như chim  
 hiện ra trong tâm thức Bùi Giáng, không hiểu ông đã nhận ra điều gì ?

(Bùi Giáng - tranh Trần Thế Vinh)

Phải chăng trong khoảnh khắc đờ đẫn đó, ông cảm nhận được ý nghĩa của sự  
 sống, của cuộc đời, giống như cái cảm nhận của Ca Diếp Tôn Giả khi thấy Phật yên lặng mỉm  
 cười vịn cành hoa trên núi Linh Thứu ?

Tôi cũng luôn tự hỏi sóng gió nào đã diễn ra trong tâm hồn ông, khiến ông trở nên một nhà thơ  
 lạ lùng nhất trong làng thơ Việt Nam.

Mấy năm trước, sau khi được đọc một cuốn sách khảo về thơ của Nguyễn Hưng Quốc, tôi không khỏi liên tưởng tới những ý niệm tâm lý học và nhớ tới Bùi Giáng, vì những nhận xét sâu sắc về mục đích của thơ, về cấu trúc thơ, về thường ngoạn thơ của Nguyễn Hưng Quốc rất gần với phân tâm học và Bùi Giáng là nhà thơ đã diễn tả trong thơ những khía cạnh thâm sâu của con người rõ ràng nhất. Vì thế, tôi đã nảy ra ý muốn mượn thơ Bùi Giáng và các nhận xét của Nguyễn Hưng Quốc để trình bày vài ý niệm phân tâm học cơ bản về tác dụng của Thơ trên tâm hồn con người.

Đối với đa số chúng ta, phân tâm học là một cái gì bí hiểm. Nó bí hiểm vì là một khoa học chuyên nghiên cứu về tâm hồn con người và căn bản của nó là vô thức hay là vùng tâm hồn mà chúng ta không thể, không dám và không muốn biết đến.

Một nhà phân tâm học của Mỹ, Erik Fromm, đã viết rằng con người chỉ là cái bóng mờ nhạt của chính mình, vì đằng sau những gì chúng ta nghĩ, chúng ta làm hay chúng ta cảm xúc đều có những động lực vô thức mà chính chúng ta không biết.

Chi tiết hơn một chút, Freud đã phân chia tâm hồn con người làm *Ngã* (Ego), *Siêu Ngã* (Super Ego), *Di Ngã* (Id).

*Ngã* là những gì ta ý thức được về chính ta và ngoại giới, là cách chúng ta sống, là nhân cách, là cơ quan trung gian giữa đáy sâu hồn người với thực tế bên ngoài.

*Siêu Ngã* là một phần của vô thức, thể hiện những qui luật, những cấm đoán của ngoại giới, của luân lý, của xã hội mà ta cảm nhận, học tập hay hấp thụ được từ ngay sau khi chào đời. Lái xe đến bằng Stop, chúng ta tự động ngừng lại, làm điều gì sai trái, chúng ta cảm thấy áy náy .. đó là vì Siêu Ngã.

*Di Ngã* bao gồm những đòi hỏi vô thức của bản năng trong đó có bản năng tình dục, bản năng hủy phá hay những ước muốn cần thoả mãn. Vô thức cũng chứa đựng những ham muốn bị dồn nén, những kỷ niệm xưa cũ, những hình ảnh, những kiến thức hay kinh nghiệm bị lãng quên.

Nhân cách khác biệt của mỗi chúng ta là do mức thăng bằng khác nhau giữa Ngã, Siêu Ngã và Di Ngã. Đời sống tâm linh con người là một tiến trình liên tục, một mặt thấu thập những kinh nghiệm, cảm xúc, kiến thức, mặt khác giải toả những ản ức, âu lo, những đòi hỏi chất chứa trong bản năng. Sự mâu thuẫn giữa những đòi hỏi vô thức của Di Ngã với những cấm đoán và giới hạn của Siêu Ngã nếu không được giải quyết sẽ tạo nên một cảm giác bất an trong ý thức. Nghệ thuật, từ thời Aristotle, đã được coi như một hình thức giải toả những dồn nén trong vô thức. Đọc một bài thơ thấy hay, xem một bức tranh thấy đẹp, nhưng nhiều khi ta không giải thích được tại sao cho thấy sự sáng tạo hay thường ngoạn nghệ thuật bao gồm những tiến trình vô thức.

Nguyễn Hưng Quốc, khi bàn về thơ, đã viết về vô thức: *“Nhờ nhà thơ, con người nhìn thấy rõ hơn diện mạo tâm hồn mình. Xưa kia tâm hồn u uẩn quá. Nó là cõi đêm, là giông tố sấm chớp nhưng cũng mù mịt vô cùng. Nhà thơ là kẻ lặn sâu hơn ai hết vào cái vùng bất an vô định ấy.”*

Bùi Giáng viết về cách làm thơ của ông: *“Đi vào giữa trung tâm bão giông một lúc thì lập thời ngôn ngữ thoát ra, phá vòng vây áp bức.”*

Vòng vây áp bức ở đây chính là Siêu Ngã, không những là các giới hạn về đạo đức, pháp luật, mà còn là các kinh nghiệm của thói quen, của luân lý. Để cho những thôi thúc tình dục, những xung động hủy phá, những kỷ ức bị dồn nén từ trong *“trung tâm bão giông”* của vô thức có thể được giải thoát ra ngoài ý thức và được xã hội chấp nhận, những chất chứa từ vô thức đã phải trải những tiến trình sửa đổi, thanh lọc, biến cải hay ngụy trang. Những tiến trình này được phân tâm học gọi là *“những phương cách tự vệ”*.

Độc ngoại sử, Nguyễn Ánh khi còn bôn ba, chưa dựng thành nghiệp lớn, nằm mơ thấy mình bị chặt đầu, tỉnh dậy kể lại cho quần thần nghe. Một cận thần, không biết giỏi nịnh hay giỏi phân tâm học, tiến ra chúc mừng, giải thích rằng Nguyễn Ánh đang làm chủ (Chúa), ở chữ Nho thì chữ Chủ (主) mất dấu chấm trên đầu sẽ là chữ Vương (王), giấc mơ đó là điềm Nguyễn Ánh sẽ lên làm vua. Trên quan điểm phân tâm học, ước mơ của Nguyễn Ánh bị dồn nén mãi vào vô thức, và trong giấc ngủ, Siêu Ngã hơi bị lợi cảnh giác nên những dồn nén đó phát lộ dưới một hình thức tượng trưng. Dồn nén (repression) là một phương cách tự vệ phổ biến nhất của con người.

Tương tự, đọc Tam Quốc, Tào Tháo khi đi đánh Trương Tú, gặp hoàn cảnh tiến thoái lưỡng nan, đang ngồi ăn thì quân lính vào hỏi mật khẩu, nghĩ ngay ra cái mật khẩu gân gà. Nỗi lo âu của Tào Tháo không thể nói cho người khác nghe, được giải thoát ra ngoài dưới một hình thức nguy trang khác, đó là phương cách tự vệ chuyển cảm (displacement).

Trong đời sống hàng ngày, có người khi gặp khó khăn trong công việc, về nhà lôi vợ con ra cằn nhằn, giận cá chém thớt cũng là một hình thức chuyển cảm. Nhưng một hình thức chuyển cảm bệnh lý hơn có thể thấy ở nhân vật Lady Mac Beth của Shakespeare. Bà ta âm mưu giết chồng xong, suốt ngày cảm thấy tay mình bị bẩn và phải rửa tay luôn, vì ý thức của bà không chấp nhận nỗi cái mặc cảm tội lỗi giết chồng mà chỉ cho phép nhận một cái tội nhẹ hơn, có thể chấp nhận được là đôi bàn tay bị bẩn. Nhưng có những người như nhân vật Kiều Loan của Hoàng Cầm, khi gặp một biến cố tâm lý quá mạnh, đã phản ứng bằng cách quên tên tuổi hay thân thế. Đó là phản ứng tự vệ phân cách (dissociation).

Cũng trong tiểu thuyết, trong cuốn *Chiếc Cầu Trên Sông Drina* từng đoạt giải Nobel, vị tể tướng đế quốc Ottoman cho xây chiếc cầu trên sông Drina với hy vọng chiếc cầu có thể chữa khỏi những cơn đau nhói trước ngực của ông, vì cơn đau đầu tiên xuất hiện khi ông còn là một đứa trẻ bị bắt cóc, phải chứng kiến cảnh những bà mẹ khóc lóc đòi con bị ngăn chặn lại bởi dòng sông. Những cơn đau đó có thể là một thí dụ về phản ứng tự vệ chuyển đổi (conversion) từ một niềm đau tâm lý thành một triệu chứng cơ thể.

Ngoài các phương cách tự vệ trên, còn có các phương cách tự vệ khác như bản năng hủy phá của con người được thăng hoa (sublime) thành những hành động thể thao, con trai lớn lên đồng hoá (identify) với người cha, con gái đồng hoá với người mẹ... Những phương cách tự vệ này hoạt động một cách vô thức và tuân theo những nguyên tắc chính của phân tâm học như nguyên tắc Khoái Lạc, nguyên tắc Lập Lại, nguyên tắc Niết Bàn ... Tùy theo từng trường hợp và nhân cách mỗi người, chúng ta đã phản ứng với những biến cố tâm lý hàng ngày rất khác nhau và chúng ta cũng chỉ dùng những phương cách tự vệ này một cách tạm thời. Quá độ một chút là đi vào phạm vi bệnh lý.

Đó là những ý niệm cơ bản về phân tâm học.

Trở lại với sự sáng tạo và thưởng ngoạn nghệ thuật, Freud đã viết: *"Một khán giả khi xem một bi kịch, cho dù bi kịch đó có gợi ra ấn tượng bi thương nhất, cuối cùng khán giả vẫn cảm thấy khoan khoái."* Đó chính vì niềm vui thưởng ngoạn hay sáng tạo nghệ thuật có được là do những tiến trình xảy ra trong tâm hồn mỗi người và không mấy may liên quan đến nội dung vui buồn của tác phẩm nghệ thuật. Vì thế mà cùng đọc một bài thơ, có người thấy hay, có người thấy dở. Cùng một người, chúng ta vừa thích những bài thơ trau chuốt êm đềm của trường thơ Apollonian hay những cuồng nộ bi thảm của trường thơ Dionysian. Thú sáng tạo và thưởng ngoạn nghệ thuật được coi như tổng hợp của hai yếu tố: thứ nhất là cảm giác bình yên do sự giải thoát những lo âu, những ký ức bị dồn nén hay chôn kín và mặt khác là cảm giác khoan khoái tiếp thu được do những thoả mãn trực tiếp (immediate gratification).

Hãy đọc câu thơ Nguyễn Nhược Pháp:

### *Yêu nàng, bao nhiêu người làm thơ*

Dĩ nhiên, trong số “bao nhiêu người làm thơ” này, chưa chắc có ai được nàng yêu lại, nhưng không ai có thể cấm họ mơ mộng để có những khoảnh khắc hạnh phúc nhất thời. Cái hạnh phúc dựa trên một thực tại giả tạo đó, phân tâm học gọi là những thoả mãn trực tiếp.

Áp dụng những ý niệm kể trên vào thơ, tôi muốn nhắc lại truyện ngắn *Ngôi Nhà Của Người Vợ* của Hồ Trường An mấy năm trước đây. Truyện viết về một bà vợ đảm đang chỉ có một tội là hay nói dóc về ngôi nhà thời thơ ấu của chị. Chị cố tình quên đi những cố gắng đáng kính trọng của chị từng giúp chị vượt qua những khó khăn thời thơ ấu, mà chị cứ luôn mượn hình ảnh ngôi nhà người khác để nói là nhà mình hồi xưa, rồi tin luôn đó là sự thật. Khi người chồng không chịu hưởng ứng câu chuyện bịa đặt của chị, chị “*ngáp lớn ngáp dài như không xua đuổi nỗi cơn phiền muộn ùn ùn chất nặng xuống tâm hồn mình.*”

Giải thích câu chuyện theo phân tâm học thì người vợ hồi nhỏ bị mặc cảm về cảnh nghèo khó, đã dồn nén những mặc cảm đó, rồi vì dồn nén quá mức, chị bị lo âu xoắn xang, và chị phải giải toả những mặc cảm, những lo âu xoắn xang trong vô thức ra ngoài ý thức bằng cách chuyển cảm cái mặc cảm nghèo thành hình ảnh ngôi nhà, đồng thời mơ mộng, rồi phóng ngoại những ước mơ thâm kín của mình. Để giải toả những lo âu vô thức, chị như quên đi đó chỉ là những mơ mộng, chị tin đó là sự thật, do đó chị trở nên người nói dóc. Mặc cảm nghèo khó đã rất quan trọng trong tiến trình phát triển tâm lý của người vợ khiến giai đoạn nghèo khó đó đã ghi dấu trong tâm, để khi lớn lên, mỗi lúc cần giải toả lo âu, chị lại có khuynh hướng thoái bộ về trạng thái tâm lý cũ và nói dóc về thời thơ ấu vàng son giả tạo. Lúc đó, chị “*bừng bưng sinh khí, mắt sáng ngời ngời.*”

Tôi đã nói dài dòng về truyện ngắn này, vì cảm giác khoan khoái của người vợ kể trên khi nói dóc cũng giống như khi chúng ta đọc thơ hay mơ mộng, là cùng do kết quả của sự thoả mãn trực tiếp và những phương pháp tự vệ như mơ mộng (fantasy), ghi dấu (fixation), thoái bộ (regression) hay phóng ngoại (projection) là những phương cách tự vệ chính trong tiến trình tâm lý sáng tạo hay thường ngoạn nghệ thuật.

Theo định nghĩa phân tâm học, phóng ngoại là giải toả tâm tư vô thức của mình ra ngoài giới, và thoái bộ là trở về trạng thái tâm lý đã được ghi dấu thời còn thơ dại, lúc siêu ngã còn chưa nghiêm khắc lắm để cho phép chúng ta được đắm chìm trong mơ mộng.

Một tác phẩm nghệ thuật như thế chỉ được coi như một phương tiện, một hình thức xúc tác cho những diễn biến tâm lý của tác giả hay độc giả. Nó được đánh giá qua cả hình thức lẫn nội dung. Trong văn xuôi, hình thức không quan trọng lắm. Văn dĩ tải đạo nhiều hơn. Trong hội họa, hình thức lại quan trọng. Nhưng trong thơ, cả hình thức, nội dung đều cần thiết vì cả hai đều góp phần đem lại cảm giác bình yên cho người đọc.

Nói cách khác, hình thức bài thơ cho phép sự thoái bộ về trạng thái tâm lý ấu thơ, lúc chúng ta còn mơ mộng và nội dung bài thơ cho phép giải thoát hay phóng ngoại các lo âu thôi thúc, các kỷ niệm xưa cũ. Về phương diện phân tâm học, những tiến trình tâm lý của nghệ sĩ khi sáng tạo hay độc giả khi thưởng ngoạn cũng tương tự nhau. Người nghệ sĩ hơn chúng ta là họ nhạy cảm hơn (dễ thoái bộ và mơ mộng) và diễn đạt tâm tư (phóng ngoại) sâu sắc hơn. Sartre đã viết nghệ sĩ là những người có một nét non yếu nào đó trong cảm xúc và họ bù đắp sự non yếu đó bằng sự thắng vượt (transgression) qua sáng tạo.

Nếu bài thơ chỉ là một phương tiện thì tứ thơ cũng chỉ là một cái cớ. Người ta hay nói thi sĩ nổi hứng rồi làm thơ. Thật ra cái gọi là thi hứng chỉ như một sự kiện xúc tác khiến con người thoái bộ về thời kỳ siêu ngã còn yếu kém để cho “*ngôn ngữ (thơ) lập thời thoát ra, phá vòng vây áp bức*” (Bùi Giáng). Nguyễn Hưng Quốc cũng viết “*Làm thơ là chống lại cái quán tính ù lì và những con đường mòn nhẵn thín cứ lôi người ta trơn tuột giữa cuộc đời.. Cái gọi là quán tính ù*

li ấy là thói quen của chúng ta trong cách sống, cách nhìn tạo vật, cái phản ứng đều đặn, hợp lý thường ngày của chúng ta, được Freud gọi là nguyên tắc Thực Tế và nguyên tắc Lập Lại. Những cảm xúc bất thường sẽ bị siêu ngã phong tỏa mãi cho đến một giây phút nào đó — Hồ Dzếnh gọi giây phút ngẫu hứng đó là *phút linh cầu* —, siêu ngã bị rơi lỏng và tứ thơ sẽ tràn lan.

Quách Tấn bị ấn tượng tiếng quạ kêu năm 1927, ấn tượng này chôn sâu trong vô thức, đợi cho đến năm 1939, vô tình nghe tiếng người bạn vang trong khe núi, thì bao kỷ niệm hiện về “*phần nhớ mẹ già xưa, phần thương cảnh làng cũ*” và nổi hứng làm bài thơ Đêm Thu Nghe Quạ Kêu. Nhã Ca, qua bao năm lưu lạc “*đổi họ thay tên viết văn làm báo*”, một chiều về Huế, nghe lại tiếng chuông Thiên Mục, và cả một dĩ vãng đã “*thức dậy cùng trí nhớ, thức dậy cùng giông bão. Mẹ hiền ơi, thành phố cũ, chiều nay. Tiếng chuông nào rơi như lệ trên tay. Cho tôi trở về đứng mê sảng ngó.*”

Thi hứng của thi sĩ cũng giống như những phát kiến khoa học, không phải do ngẫu nhiên, mà do ở biết bao suy tư nghiền ngẫm không những trong ý thức mà còn trong vô thức. Tiếng người bạn âm vang trong khe núi của Quách Tấn, “*tiếng chuông chùa rơi như lệ trên tay. Cho tôi trở về đứng mê sảng ngó*” của Nhã Ca, cũng tương tự như hiện tượng trái táo rơi của Newton hay cảm giác lơ lửng trong bồn tắm của Archimède.

Những người đọc thơ không nhạy cảm như những thi sĩ, nhưng tâm lý của họ cũng sẽ thoái bộ nhờ hình thức bài thơ, và nếu họ bắt gặp trong nội dung bài thơ những ẩn ức nội tâm tương ứng, lúc đó, họ sẽ thấy bài thơ hay và họ sẽ có được niềm vui thưởng ngoạn. Hình thức một bài thơ gồm có nhịp điệu, vần điệu và lời thơ. Nhịp điệu và vần điệu (lục bát, thất ngôn...) như dễ dàng đưa con người vào cõi mộng. Ngoài ra, sự hàm hồ mông lung buông thả của lời thơ trong mỗi câu thơ đã giúp phá vỡ cái thành trì duy lý của siêu ngã. Để chúng ta có thể chấp nhận những hình ảnh siêu thực như “*Con chim từ bỏ nắng chiều*”, những sự kiện vô lý “*Người đi xiêm mông xuôi triều nước xanh*”, những hành động, những cảm giác bất bình thường “*Mai kia cỏ héo đầu ghềnh. Ngó sang trời lạ thấy mình mất thu*”, khi đọc thơ, tâm hồn chúng ta đã tự động thoái bộ để trở về trạng thái tâm lý ấu thơ, lúc siêu ngã còn yếu kém, cái biên giới giữa “ta” và “không phải ta” — trong Phật giáo là Ngã và Pháp — còn mờ nhạt, và phương cách tự vệ thường dùng trong tuổi ấu thơ là mộng mơ.

Vì thế, tâm hồn chúng ta luôn có khuynh hướng hoài vọng về một dĩ vãng mơ hồ. Trần Hữu Cư, mỗi khi thấy mình như sống trong một thời đại đầy giông bão, lại tìm đọc Bùi Giáng để như “*thấy lại giấc mộng sơ đầu đã mất*” và Nguyễn Hưng Quốc, tuy không yêu thơ Bùi Giáng lắm, đã yêu vô hạn hai câu thơ rất tâm thường của ông :

*Dạ thưa xứ Huế bây giờ.*

*Vẫn còn núi Ngự vẫn bờ sông Hương*

chỉ vì hai câu thơ đó đã “*như những tiếng mưa rơi âm thầm một thời tuổi nhỏ cứ đeo hút mãi trong tâm một người lớn ngậm ngùi.*” Khuynh hướng hoài vọng về dĩ vãng này được Freud gọi là nguyên tắc Niết Bàn. Khác với những thi sĩ khác, Bùi Giáng thoái bộ thường xuyên và sâu xa hơn. Vì thế ông như đã làm thơ với chính cuộc đời. Trong cuộc sống, ông giỡn chơi như Lão Ngoan Đồng. Trong thi ca, dòng thơ của ông liên miên bất tuyệt. Nhờ thoái bộ nhiều hơn, ông tiến sâu hơn vào hỗn mang vô thức, trong đó lẫn lộn châu chấu, chuồn chuồn, Brigitte Bardot, mẫu thân Phùng Khánh với Dasein, Logos...

Nhưng cũng vì thế, thơ ông nhiều khi quá dễ dàng buông thả như :

*Sáng nay bao tử mơ màng*

*Cà phê bên nọ cháo lòng bên kia*

Nếu nhịp điệu, vần điệu và sự hàm hồ buông lung của lời thơ giúp con người thoát bộ và có niềm vui thoải mãn trực tiếp, thì nội dung và những hình ảnh gợi ra từ lời thơ giúp con người phóng ngoại những âu lo, những dồn nén, đưa đến một cảm giác bình yên.

Làm thơ, nói theo Bùi Giáng là *“dù ba đào về một phương trời khác.”* Phóng ngoại là gán những ý nghĩ, cảm xúc của mình ra ngoại giới. Ngoại giới có thể bị biến dạng dưới nhãn quan nghệ sĩ để phù hợp với những diễn biến nội tâm. Do đó, *“người buồn cảnh có vui đâu bao giờ.”* Phóng ngoại cũng được coi như một hình thức thanh tẩy (catharsis) các âu lo, mặc cảm, cảm xúc hay kỷ niệm dồn nén trong vô thức... Hầu như mỗi bài thơ, mỗi câu thơ đều như nổi kết thiên nhiên với con người. Chẳng hạn như mấy câu thơ của Nguyễn Bắc Sơn:

*Buổi sáng xuất quân về hướng Bắc  
Âm thầm sương sớm bóng quân ma.  
Qua cầu sông Luỹ nhìn quanh quất  
Nước đổ cầu đen chợt nhớ nhà.*

Nước đổ cầu đen đã gắn liền vào nỗi nhớ và thơ chính là nhịp cầu nối nội tâm con người với thiên nhiên. Thơ, theo Nguyễn Hưng Quốc, *“chỉ là hoa của mặt đất đầy bất an”*, do đó *“Lưu Thần, Nguyễn Triệu chỉ làm thơ khi chưa vào được Thiên Thai hay sau khi đã giả biệt Thiên Thai.”*

Chỉ có con người mới làm thơ, vì như Nguyễn Tất Nhiên từng diễn tả :

*Mỗi con người một lý lẽ, bất an.  
Mỗi cuộc chết có một hình thức, khác.*

Thân phận mỗi chúng ta từ khi sinh ra đều đã phải mang một niềm âu lo chung về sự bất an và nhỏ bé của kiếp sống. Nguyễn Hưng Quốc đã viết: *“Nhà thơ có thể làm thơ trong tâm trạng hoang mang run sợ trước cái mệnh mông không cùng không tận của trời đất, nhưng cuối cùng, mục đích của thơ là để vô hiệu hoá những khoảng cách kia.”*

Công cụ của sự vô hiệu hoá đó là phóng ngoại, để giao hoà tâm tư con người với trời đất. Có lẽ Phật Giáo gọi như thế là hoà đồng vào Nhất Thể, là hòa cái tiểu ngã vào đại ngã, còn nhà tâm lý học người Mỹ Karen Horney giải thích đó là khuynh hướng tự vong thân của con người để đi tìm cảm giác bình yên — chẳng những trong thơ, nhạc... mà còn trong rượu, trong sự hội nhập vào một phong trào hay đoàn thể... Bà trích dẫn một câu trong kinh *Áo Nghiã Thâm – Upanishad*: *“Như một dòng suối nhỏ tan trong đại dương, quên đi thân thể, để trở nên một nguyên tắc sáng tạo của vũ trụ.”*

Cảm giác bình yên không những có được do cảm giác gắn bó với ngoại giới mà nhiều khi do cảm giác làm chủ luôn ngoại giới, như Nguyễn Sa đã làm chủ gió mây:

*Có phải em mang trong áo bay  
Hai phần gió thổi một phần mây.  
Hay là em giấu mây trong áo,  
Rồi thổi cho tà áo trắng bay.*

Trên đây là vài ý niệm căn bản về phân tâm học.

Dĩ nhiên trong cách giải thích có nhiều chỗ gượng gạo vì thật ra tôi không là chuyên viên phân tâm học, lại càng không biết làm thơ.

Ngoài ra, với sự tiến bộ của khoa học và y học hiện nay, phân tâm học đang mất dần ảnh hưởng. Đó chưa phải là một lý thuyết thoả đáng để giải thích được sự vận hành của tâm hồn con người, lại càng không giải thích được về thơ, là một nghệ thuật mà theo Bùi Giáng, *“nói một ngàn lời để dù cái không lời vào trong cái không nói.”*



Mượn thơ Bùi Giáng và các nhận xét của Nguyễn Hưng Quốc để viết ra vài liên tưởng chuyên môn, tôi chỉ muốn gợi thêm vài ý niệm phương pháp học mới mỗi khi nhận xét về con người. Chúng ta đã quen nghĩ “*Nhân chi sơ, tính bản thiện.*” Giờ đây, thử nhìn con người trên căn bản vô thức với những bản năng tình dục, bản năng hủy phá và những phương thức tự vệ tâm lý, có thể chúng ta sẽ khách quan hơn, sẽ thông cảm và thương yêu con người nhiều hơn.

## Nhất phiến tài tình thiên cổ lụy Bùi Chí Vịnh

Bên Trung Quốc gọi nhà thơ Lý Bạch là “trích tiên” có nghĩa là ông tiên bị đày nơi đất Trích. Thì tôi cũng đặt nickname cho Bùi Giáng là... trích tiên, nhưng là ông tiên bị trời đày đọa.

Tôi bảo vệ quan điểm ấy ngay từ hồi làm cố vấn văn hóa văn nghệ cho họa sĩ Ớt tức Huỳnh Bá Thành, thời anh còn sống và làm Tổng biên tập báo Công An vào đầu thập niên 1990. Có lần anh hội ý với tôi về kịch bản phim MỆNH MÔNG TÌNH BUỒN (chuyển thể từ tiểu thuyết LUẬT NHÂN QUẢ mà tôi và Huỳnh Bá Thành là đồng tác giả).

Anh Thành nói đại khái muốn cho thêm vài phân đoạn về sự có mặt của Bùi Giáng trong phim và hỏi tôi có ô kê không, thì tôi gật đầu cái rụp. Tôi trả lời : “*Ô kê, vị trích tiên đó sẽ xuất hiện trong tư thế một đạo sĩ hoặc một nhà hiền triết già điên để quan sát tấn tuồng đời.*” Huỳnh Bá Thành sững sốt : “*Chú mày phong ông Bùi lên hàng trích tiên sao ?*” “*Đúng. Ông Bùi ra đời để chịu cảnh... nhất phiến tài tình thiên cổ lụy.*”

Cuộc thí nghiệm của chúng tôi về Bùi Giáng đã làm cho điện ảnh bớt tính... quốc doanh và thêm phần phong phú. Lần đầu tiên lão thi sĩ giang hồ thứ thiệt mùa may giữa cõi trần gian ta bà được đưa vào phim đẹp như siêu cao thủ hành khất Hồng Thất Công của kiếm hiệp Kim Dung. Mà so sánh Bùi Giáng là “siêu cao thủ” cũng chẳng sai. Chỉ nội chuyện ông đứng mùa may bất chấp trời mưa trời nắng giữa các ngã tư giao lộ để “chỉ đường” xe cộ chạy đúng chiều thay cho đèn xanh đèn đỏ cũng đủ phải... kính nể. Ngày nào cũng làm “cảnh sát giao thông” từ 8 đến 12 tiếng đồng hồ liên tục như thế chứng tỏ nội công ông quả thật phi phàm.



Nhà thơ BÙI CHÍ VINH

Mùng 2 Tết Quý Dậu (1993) vị “Mạnh Thường Quân” của tôi và ông là Huỳnh Bá Thành chết bất đắc kỳ tử. Tôi và ông mỗi người rơi nước mắt một kiểu. Đúng một năm sau vào ngày giỗ đầu vị cố Tổng biên tập, chị Ninh (vợ Huỳnh Bá Thành) nói với tôi : “*Anh Ba Ớt hồi còn sinh tiền hay nói họ Bùi có hai kẻ chọc trời khuấy nước là Bùi Giáng và Bùi Chí Vịnh. Ông Giáng ghé thấp nhang hồi nãy rồi, bây giờ Bùi Chí Vịnh đốt cho anh Ba điếu thuốc trên bàn thờ đi.*” Coi, tự nhiên tôi và Bùi tiên sinh dù chẳng họ hàng gì với nhau (tuy cùng họ Bùi) nhưng định mệnh gần như sắp đặt sẵn trên cửa miệng của vị Mạnh Thường Quân Ba Ớt. Thật ra định mệnh sắp đặt từ cách đây 25 năm trước.

Cách đây 25 năm tôi và mấy huynh đệ giang hồ ngồi cụng ly nửa đêm ở góc chợ Gò Vấp. Trong mấy huynh đệ có Lã Văn Cường, Nguyễn Hải, Hồ Lê Thuần. Chúng tôi nhậu nhằm vào lúc Bùi Giáng rời chùa Long Huê gần đó ra chợ quậy tưng bừng khói lửa với một cây chổi rách tượng trưng cho ấn kiếm. Gọi là ấn kiếm vì Bùi Giáng luôn vỗ ngực xưng vương bất cứ lúc nào cao hứng. Đêm đó “vua cỏ” Bùi Giáng làm bà con chạy tán loạn và ông múa chổi tiến về phía chúng tôi. Ông vừa đi vừa khạc thơ rồi dòm trừng trừng vào mặt tôi. Trong cơn say xin ngắt trời, Hồ Lê Thuần xúi tôi đọc thơ đáp lễ. Thế là người ngồi người đứng xuất khẩu thành thi qua lại liên tục.

Không biết Bùi tiên sinh “phê” thơ tôi ra sao, chỉ biết người tự động quỳ xuống bàn chúng tôi dâng cây chổi rách lên và tuyên bố “*Đêm nay Trẫm thay mặt Cựu hoàng Bảo Đại giao ấn kiếm cho thế hệ trẻ*”. Câu nói đầy tính “chính trị” và đối phó của Bùi Giáng bắt buộc tôi phải nhận cây chổi và làm một bài thơ tặng ông tại chỗ, có chép lại nhét túi ông đảng hoàng, xin mạn phép ghi ra đây để người đọc biết sự tình tảo và khôn ngoan của Bùi Giáng :

### CÁCH LẠY CỦA BÙI GIÁNG



*“Liên tôn, l... tiên, liên tôn”  
Bác Bùi chưa gặp đồng môn đây mà  
Ta hăm bảy tuổi đãng khoa  
Bác hơn sáu chục mới là Trạng Nguyên  
“Bác đi, bi đất” cơn điên  
Để mua trí tuệ “l... tiên, liên tôn”  
“Riêng ta” thành “ra tiên” con  
Lúc say xin võ hậu môn cười khà  
“Bán dùi Bùi Giáng” xót xa  
“Bình Chí Vui” ta vốn là “Bùi Vinh”  
Bác không màng nhắc triều đình  
Có đâu ta nở cổ tình làm vua  
Chi bằng giữa chợ say sưa  
Bùi to Bùi nhỏ đi lừa các em  
Kìa sao bác lạ như điên  
Đợi ta đỡ dậy chiêu hiền nữa sao ?!?”*

Cuộc hội ngộ thứ hai xảy ra khoảng đầu năm 1990 khi tôi chở hiền thê Hương Lan lúc đó mang bầu đưa con đầu lòng ghé chơi nhà Nguyễn Lương Vy, thi sĩ kiêm trưởng phòng Văn hóa Thông tin quận Phú Nhuận. Tại phòng khách có mặt sẵn hai dị nhân Bùi Giáng và Joseph

Huỳnh Văn. Sau khi làm thủ tục chào hỏi, Bùi tiên sinh hất hàm với tôi : *“Phu nhân của Bùi hậu sinh có chưa hả, đặt tên gì chưa ?”*. Tôi trả lời rằng chưa thì Bùi Giáng vỗ bàn cái rầm : *“Trẫm đề nghị đặt tên cho hậu duệ Bùi hậu sinh là Bùi Vương. Bởi họ Bùi chưa có ai làm vua cả”*.  
Phát ngôn của Bùi Giáng làm cả bàn phì cười, lúc đó tôi giả tăng nhắc lại kỷ niệm cùng với Hồ Lê Thuần và mấy huynh đệ hội ngộ ông ở chùa Long Huệ, Gò Vấp. Kỷ niệm sâu sắc đến mức tôi ghi lại bằng bài thơ HỌ BÙI đọc ra trước mặt ông, khiến ông hết sức tự hào :

## HỌ BÙI

*Ta kiếm hoài một gã họ Bùi  
Trong lịch sử từng làm hoàng đế  
Chỉ thấy họ Đinh, Lê, Trần, Lý  
Thay phiên nhau mặc áo long bào  
Gượng cười ba tiếng mà rơi lệ  
Bùi gia trang tuyệt giống rồi sao?  
Không xưng vương thì ắt cường hào  
Ta bỏ sử đi tìm kinh sách  
Nguyễn Đình Chiểu đui mà thấy hết  
Gọi ngay ông Bùi Kiệm đến chào  
Chao ôi thủy tổ nhà ta lạ  
Kính ngại vàng, mê gái thật sao ?  
Không xưng vương thì ắt xưng tao  
Ta bỏ sách đi lòng tứ phía  
Chùa Long Huệ có người mũ tía  
Trái chiếu rom viết một chữ Bùi  
Ta giả nhà sư đi ngắm nghĩa  
Biết rằng Bùi Giáng ghé am chơi  
Thế thì dòng dõi nhà ta quây  
Tửu sắc đều say đến bốc trời  
Không lập đế vì ưng rượu đế  
Cổ lai chinh chiến kỷ nhân hồi  
Không lập chúa vì ưng nữ chúa  
Thà lên... Bùi mãi, chẳng lên ngôi !*

Chỉ cần hai ví dụ có nhân chứng, vật chứng trên đây tôi thiết tưởng độc giả cũng đoán được Bùi tiên sinh điên hay tỉnh. Theo tôi, điên hay tỉnh tùy phản xạ và đề kháng của chính ông khi tiếp xúc với người lạ. Gặp kẻ ác, kẻ vô cảm, kẻ ăn hiếp phụ nữ trẻ con và súc vật thì ông điên tới bến. Còn gặp tâm hồn tri âm tri kỷ đồng điệu thì ông tỉnh táo như “trích tiên” Lý Bạch chứ sao.

Thực ra định mệnh còn bắt tôi và Bùi tiên sinh đối tửu đối thơ trong những lần gặp nhau. Tôi nhớ có lần hẹn hò với nhà thơ Nguyễn Đức Sơn (hạ sơn từ núi Đại Lào) tại quán cà phê Hội Văn Nghệ TP 81 Trần Quốc Thảo, Quận 3 thì trời... sắp mưa.

Trong lúc “ngồi đồng” vì Nguyễn Đức Sơn chưa đến, tôi trò chuyện với anh Bùi Bảy và Vũ Ngọc Giao cho đỡ buồn. Ai ngờ đang trò chuyện rôm rã bỗng Bùi Giáng vác một túi vải đi đến. Trong bộ cánh “cái bang” Bùi tiên sinh mở túi vải cho bày chớ con chạy lẳng xăng rồi múa may một điệu nhảy bộ lạc quanh bàn chúng tôi, sau đó kéo ghế ngồi gập bởi... trời trút mưa đột ngột. Bùi tiên sinh chỉ mặt tôi rồi phán : *“Bùi hậu sinh xuất khẩu ngay một bài thơ về trú mưa cho Trẫm. Thơ hay lát nữa Trẫm đãi két bia”*.

Dưới sự chứng kiến của những người cùng ngồi, sau khoảng 15 phút bài thơ HIỀN MƯA của tôi ra đời. Bài thơ khiến ông Bùi rất khinh khoái. Xin phép chép bài thơ ra đây cho các bạn thưởng thức :

## HIỀN MƯA

*Một hôm lãng xẹt mưa rơi  
Giọt thưa giọt nặng khiến đời có hiên  
Ta vào trú tuổi thanh niên  
Chưa hay thứ tóc đã quên thiếu thời  
Một hôm lãng xẹt mưa rơi  
Thất thanh ta gọi em ơi đỡ buồn  
Ngoài hiên đám trẻ bắt lương  
Coi thường phụ nữ cỡi trườn tắm mưa  
Trong hiên người lớn chẳng vừa  
Nâng ly kể chuyện ngày xưa đa tình  
Ta ngồi nghe ngóng vấn minh  
Uống một mình thấy hai mình ngất ngư*

Sau bài thơ tôi ứng khẩu, Bùi tiên sinh phun một loạt thi phẩm “tiếng lái” của ông. Thơ ông “độc” và “siêu” đúng trường phái Hồ Xuân Hương và tôi cũng tung hai bài thơ tiếng lái là bài QUỐC KỶ và ĐẢO NGỮ HÀNH đáp lễ. Bùi Giáng khoái chí quá tuyên bố : “*Khanh là hậu sinh đối với Trầm về thơ tiếng lái. Khanh thuộc loại “lái dõm” bởi Hồ Xuân Hương và Trầm đã làm trước rồi*”.

Tôi bật cười và buộc phải chứng minh trường phái thơ “không giống ai” của mình. Đó là kiểu thơ chơi chữ tối đa nhằm xả stress. Cụ thể tôi bỏ các dấu gồm “dấu huyền, dấu hỏi, dấu sắc, dấu ngã, dấu nặng” xuống các mẫu tự của 24 chữ cái hoặc các từ ngữ để chúng hóa thành thơ. Xin thí dụ một vài đoạn ở đây :

## BẢO

*Giữa cuộc đời giông **bảo**  
Ta ruột xé gan **bào**  
Văn miếu nuôi cường **bạo**  
Triều đình nuôi hổ **báo**  
Mình ta nuôi chiêm **bao***

## QUẬY

*Ở biển ta là cá **quấy**  
Sao người đem bỏ mặt **quày**  
Giang hồ có câu phải **quấy**  
Lẽ nào ta chịu lẫn **quay**  
Lẽ nào ta không dám **quậy** ?*

## THỜ

*Có con ong **thợ**  
Không thềm hít **thờ**  
Khí hậu đền **thờ***

**Cho nên có thơ  
Mật thành ra thơ**

Cuối cùng chúng tôi kéo rốc qua quán bia đối diện ăn mừng cuộc tao ngộ chiến thành công tốt đẹp. Ngày Bùi Giáng mất, xác quàng tại chùa Vĩnh Nghiêm tôi có đến viếng ông. Thức một đêm cạnh quan tài Bùi tiên sinh cùng với bà chị nghệ sĩ Kim Cương (người lo hậu sự cho đám ma Bùi Giáng). Đêm đó chị Kim Cương và điêu khắc gia Phạm Cung đồng ý với tôi rằng sự nghiệp thơ ông Bùi không chỉ nằm trong sáng tác mà còn nằm trong chính cuộc đời của một vị trich tiên. Rằng ông giả điên như một “hành giả”. Thử còn sống ông chỉ chơi với trẻ con, chuồn chuồn, châu chấu mà không hề quan tâm đến những kẻ hò reo tên tuổi hoặc ăn theo hư danh của mình...

Nhắc về chuyện thương yêu muông thú và bảo vệ môi trường phải nói ông Bùi là người có tình nghĩa số một, ông coi chim chóc cũng như con người. Tôi nhớ có lần gặp ông nằm khóc bù lu bù loa như con nít trước nhà Nguyễn Lương Vỵ bèn ngồi xuống hỏi tại sao thì ông giãy đành đạch máu : *“Bùi hậu sinh biết không Trâm gửi một con chim se se cho Phượng vợ thi sĩ Vỵ chăm sóc nào ngờ con chim sẽ bị con mèo hoang ác ôn mở cửa lồng ăn thịt nên quyết đến đây đòi lại xác con chim để làm đám ma long trọng cho nó”*.

Viết đến đây cũng quá đủ để nói về tính cách của ông. Một vị trich tiên “tĩnh trong điên” và “điên trong tỉnh”. Bài viết này dù có muộn màng sau ngày giỗ của ông nhưng cũng là một nén nhang thấp cho bậc tiền bối “nhất phiến tài tình thiên cổ lụy”. Chỉ vì một chút tài tình mà vương lụy ngàn năm.

Cuối tháng 9-2010

**Những buổi chiều nghệ thuật  
Viên Linh**



Thi nhân và đạo sĩ một thời Sài Gòn không còn nữa.  
(Hình: Viên Linh cung cấp)

Khi viết “mỗi bài thơ một số phận” trong một kỳ báo trước, tôi quả đã theo dõi một số những bài thơ riêng lẻ của một thi sĩ – nhiều khi chỉ còn nhớ đến một vài câu một số chữ mà không còn thấy cần thiết phải tìm hiểu toàn bộ cả bài thơ mà một thi sĩ có thể đã sáng tác. Dùng chữ số phận là hàm ý có may có rủi (tùy theo thời gian lúc này lúc khác), vì một tác giả có khi sử dụng ngôn ngữ nhẹ nhàng, có khi đánh vật với nó, bài thơ sẽ trở nên thông suốt hay sẽ trúc trắc ngoài ý muốn của thi sĩ. Một cách khác nữa, có một vài ngôn ngữ được tác giả dùng đi dùng lại ở nhiều bài khác nhau, ta gom lại sẽ thấy ý tác giả.

Số phận của một bài thơ không hẳn là số phận của thi sĩ, song không nhiều thì ít, người ta có thể tìm thấy một điều gì đó liên hệ tới người làm ra những câu thơ kia, không chỉ trong một bài, mà trong một vài chữ, ở nhiều câu khác nhau. Thơ Bùi Giáng ít khi được dẫn giải toàn bài, thường mỗi bài chỉ được trích ra vài câu hay vài chữ là đã có nghĩa cụ thể:

*Người điên cái bóng cũng điên  
Người khùng cái bóng oan khiên cũng khùng.*  
(Bùi Giáng, Chớp Biển)

Điên hay khùng cũng chỉ là một người.

*Lúc xưa từng đã một lần  
Nhìn con ngủ gục chín tầng sau xưa  
Ông điên từ bấy đến giờ*  
(Bùi Giáng, Kể Từ Lúc...)

Nếu tác giả là ai đó, hai chữ “sau xưa” sẽ được hiểu là say sưa, song tác giả là Bùi Giáng, vấn đề ngôn ngữ phải đặt ra, có thể đó là sau xưa, không ai biết được.

*Tôi điên là bởi tôi điên  
Cầm tay cô hỏi cho phiền lòng nhau  
Tôi điên từ trước đến sau...*  
(Bùi Giáng, “Thơ Bùi Giáng,” hải ngoại 1990)

Đoạn thơ làm trong năm 1990, in trong cuốn thơ do nhóm Việt Thường ở Montreal Canada xuất bản; như thế nó được làm 15 năm sau ngày miền Nam thay đổi một màu cờ; về khoảng thời gian rõ ràng này, chính Bùi Giáng đã ghi lại:

*Mười lăm năm ngó triều dâng  
Bóng trắng thánh thót ngọn gần ngọn xa  
Ngọn cây người ở bên ta  
Ngọn cây cối ở quê nhà thiên thu.*

*Mười lăm năm ngọn tử phần  
Mù sương cố quận chín tầng tầng rơi*  
(Bùi Giáng, Mười Lăm Năm, trang 145)

Cũng trong năm này, một lần nữa ông nói về cái điên của chính mình:

*Ngủ dần mà tưởng thông minh  
Ồ vàng trắng ạ, bực mình làm sao  
Đập đầu tự tử thế nào  
Cảo thơm lần giở mai sau một tờ  
Điên cuồng mà tưởng nên thơ*

*Cuồng điên mà tưởng làm thơ như thần  
Cậy em, em có đỡ đần  
Chút chi gắn bó cho phần tử nao?  
Giờ đây chẳng biết chốn nào  
Trần gian rướm máu  
Điều chào gãy xương.*  
(BG, Tặng Bạn Điên, tr. 173)

Nhan đề trên, “những buổi chiều nghệ thuật” trước hết là những khoảng thời gian cuối ngày có chất chứa nhiều ít bóng hình hay âm thanh của văn nghệ. Thật ra người viết muốn nhớ lại những buổi trưa buổi chiều tại tòa soạn tuần báo Nghệ Thuật ở Sài Gòn, những năm 1965-1966. Khoảng thời gian này ông hay ghé tờ báo, đặt trong nhà in Thư Lâm Ấn Thư Quán trên đường Phạm Ngũ Lão. Giai đoạn đầu lui tới luôn có Vũ Khắc Khoan, nhạc sĩ Phạm Đình Chương, nhạc sĩ Cung Tiến, thường trực có Mai Thảo, Thanh Nam, lúc đầu có ca sĩ Anh Ngọc, sau này vắng dần, chỉ còn Mai Thảo, Thanh Nam, tôi và họa sĩ Đăng Giao. Nghệ Thuật in bìa màu offset, Đăng Giao và tôi vừa làm ở tòa báo, vừa làm ở xưởng làm bản kẽm Cliché Dầu phía đường Trần Hưng Đạo-Huỳnh Quang Tiên. Rất nhiều lần Bùi Giáng tới căn phòng nhỏ của tòa soạn chỉ gặp Mai Thảo và tôi.

Khoảng ba năm trước đó tôi thường xuyên chõ Bùi Giáng trên chiếc velo solex của mình, anh hay nói chuyện về thơ lục bát. Anh luôn luôn nói về những chữ những hình ảnh anh thích trong bài thơ nhan đề “Bài Phụng Liên.” “Ông chỉ làm thơ lục bát thôi nhé.” “Lục bát như ‘một hành lang rộng vắng sầu phụng liên’ thôi nhé.”

## Xì phé với Bùi Giáng Từ Kế Tường

Ở miền Nam trước năm 1975, Bùi Giáng là một hiện tượng của giới văn nghệ Sài Gòn.

Ông là một nhà thơ điên, điều này ai cũng biết. Nhưng điên kiểu Bùi Giáng thì thuộc dạng xưa nay hiếm, bởi ông điên rất thi sĩ và Bùi Giáng thi sĩ là một “ngôi sao” trong trường phái điên mà chỉ có ông đứng riêng một góc trời.

Bùi Giáng không tốt nghiệp đại học nhưng lại làm “giáo sư” dạy học một thời gian, là nhà nghiên cứu, khảo luận, dịch thuật và nhất là làm thơ. Ông dịch nhiều tác phẩm nổi tiếng của các tác giả tên tuổi trên thế giới, viết khảo luận đông tây kim cổ và đặc biệt là làm thơ nhanh như chớp bất cứ ở đâu, trong trường hợp nào. Hầu hết thơ của ông là thơ... tán gái, mà toàn là gái đẹp bởi Bùi Giáng yêu toàn những mỹ nhân trong nước và trên thế giới.

Tình yêu của Bùi Giáng cũng rất lạ lùng, yêu trong mộng tưởng, cứ việc thấy người đẹp là yêu, yêu điên cuồng, làm thơ tặng điên cuồng không cần biết mỹ nhân đó có đáp lại tình yêu của mình không.

Chính vì cuộc đời kỳ lạ của Bùi Giáng mà quanh ông có rất nhiều giai thoại, nhất là giai thoại yêu đương. Và cũng chính vì tình yêu lạ kỳ đối với phụ nữ mà Bùi Giáng là một người đàn ông vô cùng hạnh phúc trong tình yêu.

Ông không bao giờ biết đau khổ khi yêu từ lúc sinh ra cho tới khi nhắm mắt về bên kia thế giới. Và ở đó có thể gọi là “cõi khác” của Bùi Giáng, chính nơi đó ông sẽ còn tiếp tục cuộc rong chơi và yêu đương bất tận.

Tôi có nhiều kỷ niệm với thi sĩ Bùi Giáng (tôi hay gọi là anh Sáu Giáng) trước và sau năm 1975. Ngồi buồn nhớ chuyện cũ, người cũ, xin kể trước vài kỷ niệm với anh Sáu Giáng trước năm 1975. Chuyện chơi, chuyện tào lao vui thôi. Đó là chuyện đánh xì phé với anh Sáu Giáng.

Hồi đó anh Sáu Giáng chưa điên nặng, tức là còn điên nhẹ. Mà ai nói anh Sáu Giáng điên thì người đó mới điên. Những năm đó thật vui, nhà của Huy Tường nằm trong con hẻm bên hông chợ Trương Minh Giảng, đối diện với Đại học Vạn Hạnh là nơi tôi thường tới chơi, ở qua đêm.

Chiều tối, tụi tôi hay ra quán cà phê cóc ngay đầu hẻm, bên hông chợ uống cà phê. Lúc đó anh Bùi Giáng ngao du ta bà đâu đó trở về, chờ chợ vắng để tìm chỗ ngủ.

Thấy tụi tôi ngồi tào lao, anh Sáu Giáng tấp vô uống cà phê, Vãn bộ đồ "cái bang", lon sữa bò, hoa hòe hoa sói đeo lưng lẳng. Anh Sáu Giáng không hiểu sao rất sợ cảnh sát Sài Gòn, mà hồi đó cảnh sát Sài Gòn thường bao chợ Trương Minh Giảng vào buổi tối để xét hỏi người trong chợ và khách vãng lai quanh chợ. Mỗi khi thấy cảnh sát bao chợ là anh Sáu Giáng rút lui rất nhanh, thoáng cái anh Sáu Giáng mất tiêu.

Biết anh Sáu Giáng sợ cảnh sát, Huy Tường là vua trêu chọc, cứ nhằm lúc anh Sáu Giáng uống cà phê, tào lao, hứng khởi múa bút trên giấy đề thơ 2 câu hoặc 4 câu (Sáu Giáng đề thơ trên bất cứ giấy gì kiếm được, nhất là giấy bạc của bao thuốc lá, lật mặt trắng lên là viết thơ ro ro). Thế là Huy Tường hù: Anh Sáu Giáng, cảnh sát tới. Nghe vậy, anh Sáu Giáng lập tức đứng lên, dzọt lẹ.

Nhà của hai vợ chồng họa sĩ Hồ Thành Đức - Bé Ký ở trong con hẻm 220 đường Trương Minh Giảng bên hông Đại học Vạn Hạnh. Con hẻm này khá dài, khá rộng chạy cặp bờ sông bên kia cầu Trương Minh Giảng. Lâu lâu hai vợ chồng Hồ Thành Đức rủ bạn bè tới đánh xì phé. Hội xì phé này gồm có: Cung Tích Biền, Huy Tường, tôi, Nguyễn Hữu Hiệu (Thích Chơn Pháp), Bùi Giáng và dĩ nhiên có cả chủ nhà là hai vợ chồng Hồ Thành Đức - Bé Ký.

Trong hội xì phé lãng tử này Cung Tích Biền, Huy Tường, tôi được xếp hàng cao thủ 12 túi. Nguyễn Hữu Hiệu, Bùi Giáng và Hồ Thành Đức - Bé Ký là... "thầy cúng", nghĩa là mang tiền ra "cúng" cho chúng tôi thôi vì họ đánh quá dở.

Nguyễn Hữu Hiệu (em của nhà thơ Viên Linh) là nhà thơ, nhà phê bình, Đại đức Thích Chơn Pháp tu và mặc áo tu đàng hoàng, dĩ đánh phé tiền kẹp trong cuốn kinh Phật, thua bao nhiêu rút tiền ra bấy nhiêu, tiền mới cáu mới ghê.

Còn Bùi Giáng đâu có nhiều tiền, chủ yếu chơi cho vui, cho đủ tay là chính. Hết tiền, anh Sáu Giáng mượn búa xua, mượn rồi... không nhớ, mà có nhớ cũng không trả, cười trừ buông một câu: Bọn mi ăn gian, đánh lặn, gạt tau hết tiền. Vậy là huê.

Còn Hồ Thành Đức có Bé Ký ngồi sau lưng, giành coi bài. Muốn biết tẩy của Hồ Thành Đức thì cứ nhìn mặt Bé Ký. Bài Hồ Thành Đức tẩy xì hay tẩy già thì mắt Bé Ký sáng rực, thụi vai chông ra lệnh: Đánh đi. Hồ Thành Đức vừa bỏ tiền vô sòng, ngồi xồm dậy, râu giựt giựt...

Bởi thế đánh đâu thua đó, vì lộ tẩy ngay từ đầu. Huy Tường còn chọc, hỏi Bé Ký con bài đấy (lá bài úp, giấu tẩy trong luật chơi xì phé) của Hồ Thành Đức con gì, con bởi phải không, Bé Ký thì lẳng tai, ngẩng ngẩng cứ cãi, không phải bởi mà là... già. Vui không chịu được.

Anh Sáu Giáng thua xiềng liềng, hết cửa mượn bèn nằm dài ra sàn nhà nghỉ xả hơi chờ cao thủ nào vừa gom tiền thì bật dậy mượn: Mi cho tau mượn để tau gỡ chứ, có tiền tau sẽ chuyển bại thành thắng, trả cả vốn lẫn lời hay tau trả bằng... thơ cũng được.



Và thơ anh Sáu Giáng trả nợ thua xì phé chính là bài này, mang đầy khí chất tếu táo của Bùi Giáng, đồng thời cũng giải thích vì sao Bùi Giáng có nhiều biệt danh như Bùi Giàng Búi, Giáng Bùi Giàng rồi vì sao lại là Sáu Giáng.

“Ủa, phải anh Sáu Giáng đó không?  
Và cô có phải cô Bông năm nào  
Anh còn nhớ rõ, ôi chao  
Vợ chồng tôi cũng lúc nào nhớ anh  
Anh điên mà dzui dzê thập thành  
Còn chúng tôi tỉnh mà đành buồn thiu!”.

Cô Bông thì chúng tôi không biết là ai, mà nếu có hỏi chắc Bùi Giáng cũng không biết hoặc không nhớ vì trong cuộc hành trình mộng tưởng của mình đối với cuộc sống này, thi sĩ điên Bùi Giáng đã từng gặp biết bao cô gái đẹp theo cách nhìn của Bùi Giáng, và cô nào cũng được Bùi Giáng gọi là giai nhân, là nương tử và nếu có gọi thành một cái tên cụ thể thì cũng không ai biết cô đó ở đâu, chắc cô Bông này cũng thế. Nhưng Sáu Giáng thì đơn giản hơn, bởi lẽ, trong gia đình, Bùi Giáng thứ sáu.

Và bài thơ trả nợ thua xì phé này anh Sáu Giáng cứ đọc mãi trong những canh bạc mộng tưởng khi ngồi chơi với chúng tôi khiến chúng tôi thuộc lòng luôn.

Và ước mơ một lần ăn bạc để trả nợ thua bạc của anh Sáu Giáng vẫn chỉ là ước mơ thôi vì anh Sáu Giáng đánh xì phé rất nhát gan, cứ đến cây thứ ba, thứ tư dọa anh chơi, tổ một số tiền kha khá và kích Sáu Giáng theo, ảnh vội quăng bài, nằm dài xuống sàn nhà nói giọng Quảng đặc sệt: “Bọn mi ăn gian, đánh nhiều tiền rửa làm sao tau theo nổi mô”.

Nhưng anh Sáu Giáng (xin nhấn mạnh ở đây một chút - khi chúng tôi gọi anh là Sáu Giáng, ảnh vội lên giọng nghiêm trọng bảo không phải chữ Sáu ghen bậy mà là số 6 trước tên Giáng). Và anh Sáu Giáng đánh xì phé chưa có lần nào thắng, hay chuyển bại thành thắng như anh từng ước mơ mà cứ chuyển bại thành... xụi, đánh đâu thua đó, nhưng lại khoái rủ các cao thủ đánh xì phé mới ghê.

Sáu Giáng sinh ngày 17-12-1926 tại làng Thanh Châu thuộc xã Vĩnh Trinh, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam. Ở bậc tiểu học, Sáu Giáng học Trường Bảo An tại huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. Hết bậc tiểu học, Sáu Giáng ra Huế học bậc trung học ở Trường trung học Thuận Hóa.

Chưa hết bậc trung học thì Chiến tranh thế giới thứ hai nổ ra, lan tới Việt Nam. Lợi dụng cơ hội Nhật hất cẳng Pháp, rồi đến Cách mạng Tháng Tám lịch sử, Bùi Giáng tiếp tục học lại và lấy được bằng Thành chung.

Sáu Giáng cưới vợ rất sớm vào năm 1944, khi đó ông mới 18 tuổi. Vợ ông là bà Phạm Thị Ninh, nổi tiếng xinh đẹp trong vùng nhưng chẳng may bị bạo bệnh và khi mang thai lại sinh non nên cả hai mẹ con đều qua đời. Có lẽ đây cũng là một trong những nguyên nhân khiến con người có máu điên từ nhỏ như Bùi Giáng bùng phát thành những cơn điên khi tuổi ông còn rất trẻ.

Khi Cách mạng Tháng Tám nổ ra, Bùi Giáng bỏ học theo kháng chiến. Năm 1950, Liên khu V tổ chức kỳ thi tú tài đặc biệt, Bùi Giáng đi thi và đậu Tú tài 2 văn chương. Sau đó Bùi Giáng đi bộ rông rã một tháng rưỡi theo đường mòn trên núi qua Liên khu IV tới Hà Tĩnh để tiếp tục vào đại học.

Nhưng ông lại bỏ ngang trong ngày khai giảng để trở về quê ở Quảng Nam... chăn bò, rong ruổi theo đàn bò khắp các vùng đồi núi Trung Phước suốt 2 năm trời và làm thơ.

Trong giai đoạn này Bùi Giáng làm rất nhiều thơ, trong đó có bài *Nỗi lòng Tô Vũ*, có lẽ Bùi Giáng tự ví mình như ông Tô Vũ ngày xưa chăn dê 15 năm trên núi nên ông nhìn những con bò thành những con dê mà toàn là dê cái rồi làm thơ để... ca ngợi hết lời, hết tình.

Bài *Nỗi lòng Tô Vũ* dài tới 60 câu, được cho là bài thơ hay nhất trong thời kỳ chăn bò của Sáu Giáng (1950-1952) thời kỳ rất mực lãng mạn của nhà thơ họ Bùi vì hầu như ông chỉ sống với những đồi sim chín, đàn bò mà ông cho là... đàn dê, và lũ chuồn chuồn, châu chấu luôn lượn lờ trong sương, trong mây ngay chỗ ông nằm khểnh về râu ngấm trời, ngấm đất.

Sau này bài thơ *Nỗi lòng Tô Vũ* được in trong tập thơ *Mưa nguồn*, tập thơ ghi dấu ấn trong hàng loạt những tác phẩm đồ sộ của Bùi Giáng về sau này với Nhà xuất bản An Tiêm.

Bùi Giáng là một nhà thơ điên trong cõi điên dài như trường giang xuôi chảy về nơi bất tận, trên dòng trường giang điên đó, ông có những phân khúc điên và những phân khúc tỉnh. Nhưng đặc biệt, do Bùi Giáng làm chủ được "cõi điên" của mình nên không ai biết được lúc nào ông tỉnh, lúc nào ông điên.

Có lẽ chỉ Bùi Giáng mới biết mình điên hay tỉnh mà thôi. Nhưng cái điên, sức điên của Bùi Giáng thật dễ thương, một "thương hiệu điên" văn nghệ. Và anh Sáu Giáng dễ thương nhất khi... đánh xì phé, vì ông đánh xì phé cũng rất văn nghệ.

6 Giáng cũng được mà Sáu Giáng cũng được mà Bùi Giáng cũng được, không phải như ông từng viết "Trăm năm hồng lệ có là bao nhiêu" đấy sao?

## Bùi Giáng Võ Phiến

Mở đầu một bài báo được đăng trên tạp chí *Giao Điểm* cuối năm 1992, ông Phạm Xuân Đài viết: "Hiện nay có lẽ không có một người nào trong giới văn nghệ trước đây ở miền Nam, và có lẽ cả nước, được yêu mến như Bùi Giáng."

Tôi bất giác kêu thào: "Đúng quá!"

Kêu xong, tôi bẽn lẽn. Ông Phạm không nói đến một cuộc trưng cầu dân ý, cuộc thăm dò, cuộc điều tra nào; mà tôi cũng không hề có lấy một chút căn cứ, biết đâu là đúng là sai. Vậy mà tôi vẫn không rời được ý kiến của ông Phạm.

Ai cũng biết mấy năm gần đây ngành xuất bản gặp khó khăn: Sách không bán được mấy nữa. Và trong các loại sách, khó bán nhất là thơ. Thậm chí nhiều hiệu sách dứt khoát từ chối, không nhận bán thi phẩm. Trong tình cảnh ấy làm thi sĩ trong nước cũng như ngoài nước sinh ngán ngẩm, chính thơ mình viết ra cũng không dám nghĩ tới việc tìm được cơ hội cho nó chào đời. Vậy mà năm 1990, một nhà xuất bản ở Gia-nã-đại cứ cho ấn hành một tập thơ Bùi Giáng dày cộm, tung sách ra trong một buổi ra mắt quy tụ bao nhiêu là khuôn mặt quan trọng của văn giới hải ngoại.

Ai cũng biết việc mang văn hoá phẩm từ nước ta ra nước ngoài không tự do. Nhất là tác phẩm

của những văn thi sĩ Miền Nam nổi danh trước 1975. Vậy mà thỉnh thoảng vẫn có những bà con khi thoát nước ra đi, cố cất giấu trong người, trong hành lí, hoặc dăm ba bài thơ, hoặc mấy câu thủ bút của Bùi Giáng. Thứ quốc cấm ấy lọt ra ngoài, gặp ngay sự đón tiếp nồng hậu. Báo này báo nọ đăng lên, in cả thủ bút thân yêu. Bà con Việt kiều bắt được, hoặc trong lúc thưởng thức miếng *chocolat*, hoặc đang nhâm nhi tách cà-phê, hứng chí mừng rỡ: "Đích thị Bùi Bằng Giúi chính cống rồi. Vẫn y nguyên giọng thơ trung niên ấy. Thích thật!" Và cười ha hả.

Thích thế nào? Đố biết. Cũng ông Phạm Xuân Đài bảo: "Có điều lạ là trong những người yêu mến và kính phục Bùi Giáng ấy không ít người chưa từng đọc thơ hoặc bất cứ thứ gì anh viết, hoặc đã đọc nhưng vị tất đã hiểu. Không cần."

Không đọc, không hiểu, tại sao lại yêu lại mến? Yêu qua loa nhất thời hay yêu mãi nghìn năm, yêu vượt thời gian? Khó quá. Ai mà trả lời nổi. Chuyện xa vời không biết được. Chỉ biết người ta đã yêu Bùi Giáng suốt cuộc chiến tranh, yêu giữa những tháng năm tan tác vì bom đạn. Rồi lại yêu Bùi Giáng trong cảnh lưu lạc tha hương. Có gì trong Bùi Giáng liên hệ đến những hoàn cảnh ấy chẳng? Hoặc giả có gì trong Bùi Giáng liên hệ đến những nét cố hữu nào đó trong tâm hồn chúng ta chẳng?

Chưa ai biết về những cái ấy. Chỉ biết cái yêu này là có, là thật, và rất hồn nhiên. Bùi Giáng không bè không cánh, không quảng cáo quảng kiếc, không khéo léo tranh thủ ai, cũng không thủ đoạn lôi kéo ai. Chẳng những không "khéo", thường khi ông còn gây lúng túng cho kẻ khác: như những mẫu thân này mẫu thân nọ, những nhan sắc được ông mến mộ hẳn không khỏi có lúc bối rối về sự tung hô lớn tiếng của ông. - Mặc kệ. Ai nấy cứ yêu Bùi Giáng.

Rất có thể những cái kì cục của ông là một hiện tượng bệnh lí. Rất có thể cái yêu Bùi Giáng, mê Bùi Giáng, là hiện tượng tâm lí quần chúng, tâm lí xã hội, trong một hoàn cảnh nào đó; chứ không phải là sự kiện liên hệ đến văn chương nghệ thuật? - Mặc kệ. Vẫn nên suy nghĩ về Bùi Giáng, trong một tác phẩm nói về thơ.

\*\*\*

Riêng tôi, tôi chịu cái lối ông phê bình thơ.

Ông đã phê bình nhiều thi sĩ, thi sĩ tiền bối trước chúng ta nhiều thế kỉ cũng như thi sĩ cùng thời, đang sống với chúng ta. Hãy xin cử ra trường hợp ông Bùi nói về tiền bối Nguyễn Du. Ông chọn một câu Kiều ai nấy đều biết ("phong lưu rất mực hồng quần"); từ câu ấy ông lại chọn khen cái chữ "hồng quần". Ông đem "hồng quần" so với "quần hồng", rồi so với đàn bà; ông đùa với chữ này, bỡn với chữ kia, cợt nhả với chữ nọ. Xong rồi, ông lôi bản dịch của Crayssac ra mà chế giễu đã đời. Ấy là chuyện *Ngao du ngày tháng* (1971) của ông Bùi.

Khi khác, *Đi vào cõi thơ* (1969) của các thi sĩ cùng thời với mình, Bùi Giáng càng tỏ ra tinh quái quá lắm. Chẳng hạn về trường hợp một thi sĩ nọ -đồng hương với ông- ông nói qua nói lại một hồi, rồi ông bảo trót đánh mất tập thơ của bạn nên không trích được bài nào. Sau này, có dịp cầm chính tập thơ nọ trong tay, tôi loanh quanh tìm mãi không thấy có bài nào trích được! Vậy Bùi Giáng có mất sách thực chẳng? Và không tìm ra cuốn sách nào khác của bạn thực chẳng? Lẽ nào ba mươi năm trước ở Việt nam thơ ấy khó tìm hơn ba mươi năm sau ở Mĩ?

Vả lại, không chỉ có trường hợp người bạn vừa kể. Chuyện như thế xảy ra đều đều. Nói về một thi sĩ khác, ông bảo khỏi cần trích thơ, chỉ cần nêu ra các tên bài cũng đủ. Và ông liệt kê một loạt tên bài tùm lum; chỉ có tên bài thôi. Có nhiều thi sĩ, ông "đi vào cõi thơ" của người ta một

hồi mà không thấy ông chọn được bài nào, thậm chí một ý hay một câu hay, một chữ đẹp cũng không! Như thể bạn tâm chứng minh là một bạn tâm nhỏ mọn quá, ti tiểu quá, không đáng lí đến.

\*\*\*

Đi vào bất cứ cõi thơ cõi văn nào của bạn bè quen biết xa gần là cái khó. Năm khi mười họa, gặp cõi đắc ý khen âm lên, bốc nhau tận mây xanh, thì nhất. Còn như lâm vào cái thế phải nói về hết bạn này đến bồ kia, thì lăm lăm kẹt muốn chết. Thế mà ông Bùi cứ khơi khơi, tỉnh bơ, cười cười, "vui thôi", tránh thoát mọi rắc rối phiền hà dễ như chơi. Gặp người tài tình như vậy mà ta cứ nhanh nhẩu xông vào đòi bình thơ của người ấy thì là một việc làm vô duyên và không thích hợp chút nào. Thích hợp nhất là nghe chính Bùi Giáng bình thơ Bùi Giáng.

Có việc ấy chẳng? - Có đấy. Bùi Giáng từng làm việc ấy cách tuyệt vời. Hãy nghe:  
"Những bài thơ chuồn chuồn châu châu của ông (Bùi Giáng tự gọi mình như thế) quả thật là có ý nghĩa. Nó bay nhẹ vi vu quả có đúng như là phận mỏng cánh chuồn. Vào những buổi sáng mùa đông lạnh lạnh ở Trung Việt, vào những buổi chiều mùa thu ở Bắc Hà, hình bóng những con chuồn chuồn bay lượn cuối ngõ, đầu sân, quả thật là tha thướt. Đôi phen cái tiết điệu riêng biệt ấy cũng còn tái hiện trong đôi vầng phồn hoa, mặc dù ở phồn hoa không bao giờ có chuồn chuồn bay vòng múa lượn. (Đi vào cõi thơ, Ca Dao, 1969, trang 93)

Thế là phong cách thơ Bùi Giáng đã được xác định rõ ràng. Nhưng cũng có người thắc mắc: "Thơ chuồn chuồn châu châu" là thơ gì? - Về chỗ thắc mắc ấy, Bùi Giáng cũng đã có lời giải thích. Giải thích rất mực bay bướm. Người đời tha hồ đọc đi đọc lại nghĩ tới nghĩ lui hết ngày này qua ngày khác, càng nghĩ càng thấm. Xin lược chép dăm ba câu:

"Bay lơ lửng loanh quanh, ấy là con chuồn chuồn. Bay mà cũng như không bay, ấy là con chuồn chuồn. Khiến người ta nhớ nhưng mà chẳng rõ nhớ nhưng cái gì, ấy là con chuồn chuồn. Hiện diện gần gũi mà xa vắng như trong lớp mù sương, ấy là con chuồn chuồn. Xa vắng thơ ngây hơn cả mây hay hạc lánh, ấy là con chuồn chuồn.(...) Vô khả vô bất khả, ấy là con chuồn chuồn. Mang vô lượng a tăng ki kiếp về trong mỗi sát-na, ấy là con chuồn chuồn. Muội phương quốc độ đi vào một lỗ chân lông, ấy là con chuồn chuồn. (...) Làm thơ hay hơn ông Nguyễn Du, ấy là con chuồn chuồn. Làm thơ dở hơn ông Nguyễn Du, ấy là con chuồn chuồn.

Chẳng còn biết sao gọi là hay, sao gọi là dở, ấy là con chuồn chuồn. Dờ tức là hay, hay tức là dở, ấy là con chuồn chuồn. Hữu tức thị vô, vô tức thị hữu, hữu thị bất-hữu-đích-hữu, vô thị phi-vôđích-vô, ấy là con chuồn chuồn. Có tức là không, không tức là có, có tức là có-chẳng-có, không tức là không-chẳng-không, ấy là con chuồn chuồn. Ăn nói tục tĩu, ấy là con chuồn chuồn. Vì tục mà nên tiên, vì tiên mà nên tục, ấy là con chuồn chuồn. Tỏi-huyền cố tối-chân, tối-chân cố tối-huyền, tối-huyền thị bất-tỏi-huyền, tối-chân thị phi-tỏi-chân-đích-tỏi-chân, ấy là con chuồn chuồn..." (Ngày tháng ngao du, trang 81, 82)

\*\*\*

Đến đây, tưởng Bùi Giáng trình bày về thơ ông đã rõ ràng đầy đủ.  
Về việc chọn trích thơ ông, tôi cũng theo sát sự hướng dẫn của ông, tức chọn hai bài thí dụ về thơ chuồn chuồn châu châu: bài "Giữa phố" và bài "Bóng dương buồn ngủ". Ngoài ra, xin thêm mấy bài nữa. Cũng là thơ chuồn chuồn châu châu, cố nhiên, nhưng tản mạn ngắm nghía hồi lâu, xem chừng có tương mạo đại bàng cũng nên.

3.1993

## Một giải thưởng văn chương mang tên Bùi Giáng Phạm Thị Hoài

Ông sống số phận mình qua thơ, và chẳng lấy thơ làm mục đích tối hậu.

Ông để lại hàng chục ngàn trang văn chương và tư tưởng, và chẳng lấy đó làm nghề để tận tụy, làm trường tranh đấu, làm tham vọng, ám ảnh, tuyệt thú, làm bản năng và định mệnh, làm khí quyển bọc hành tinh này.

Ông cả đời không làm việc gì ngoài viết, mà có thể và đã tồn tại ngoài vòng chữ nghĩa, ở những cõi người ta khác.

Chúng ta, phần lớn sống với văn chương như một thói quen đã được phê chuẩn và cài đặt ít nhiều chu đáo vào cuộc đời, tự nhủ rằng mình không biết gì về những cõi ấy. Thật thế ư? Chúng quá lạ lùng, cao xa, hay ngay từ đầu ta đã chọn con đường dễ nhất: Khoanh cho ta một địa phận nghệ thuật vừa sức, và nhắc ông ra ngoài? Ta không dọn cho ông một chỗ như từng dọn hay mong dọn cho riêng mình, với cái cố rằng ông ngao du với cháu chắt, thiết gì một chốn đậu. Không sửa sang cho ông, như thường miệt mài gọt rửa hay tưởng đang gọt rửa mình công phu lắm, với cái cố rằng chữ nghĩa của ông từ ngàn khơi đổ về, chẳng ai biên tập một đại dương. Không thăm định, không đòi hỏi, không đặt niềm tin, không thất vọng, ta nhẹ ban cho ông hai chữ "thiên tài". Thiên tài chơi cuộc khác, sống kiếp khác, chết bia mộ khác. Thiên tài văn chương là loại đồng nghiệp dễ chịu nhất. Thiên tài văn chương tự hủy như ông là loại tha nhân đáng yêu nhất, tai nạn nơi ông không chạm một sợi lông nào nơi ta. Từ khoảng cách an toàn ấy ta hào phóng ca tụng ông như đã làm thế với Nguyễn Du, chắc hẳn không một câu Kiều nào còn làm ta mất ngủ. Và lúc nào bối rối thì đã sẵn giai thoại nối tiếp giai thoại về ông, chúng biết cách phát biểu; đã sẵn một căn bệnh đáng giá nhất trong mọi căn bệnh ở kẻ phi thường để giải thích; đã sẵn một huyền thoại để nương theo.

Mãi lần đầu vào Sài Gòn năm 1989 tôi mới được dẫn vào huyền thoại ấy, để cực nhọc đãi từ mấy trăm trang của cuốn *Bài ca quần đảo*, tác phẩm Bùi Giáng đầu tiên tôi tìm được, vài chục câu thơ hay. Vàng lẫn trong cám vẫn trọn vẹn vàng, nhưng một câu thơ sáng không nhất thiết càng rực rỡ giữa rừng câu mù mịt. Nhưng sự thất vọng ấy chưa đáng kể bằng nỗi kinh ngạc khi nghe những người canh giữ huyền thoại khuyến cáo, rằng tôi là con đẻ của Miền Bắc đỏ, Miền Bắc cách mạng và chiến thắng, tôi đang trôi lên cùng dòng chủ lưu đổi mới, tôi không có cách gì hiểu Bùi Giáng; và khuyến cáo: hãy rời khỏi trường học của tri thức, hãy xếp vũ khí của lí trí phê phán, hãy rũ bỏ hành trang kinh nghiệm thâm nhặt ở đời, được như thế là đã đến gần Bùi Giáng. Mọi huyền thoại đều mong người ta đến gần mình bằng tay trắng, đầu trần, chân không và một lòng khuất lụy như vậy.

Chúng ta không rộng quyền hành động tới mức có thể dễ dàng đè một huyền thoại này ra lộ, ươm sẵn một huyền thoại khác cho tương lai, hay đơn giản là cai hẳn nhu cầu về huyền thoại. Song càng đọc Bùi Giáng tôi càng thấy bất chấp mọi kì tích, ông không siêu phàm, thần thoại, trên mọi hạng mục và ngoài mọi luật lệ. Chẳng hề là giải pháp, là phép màu, ông chỉ sống đến cùng những mảnh đời mà chúng ta không dám sống, chỉ thấu tất cả những mâu thuẫn, bất hạnh, bất lực, mặc cảm, khát khao và thành tựu của không ai khác ngoài chính chúng ta vào một tụ điểm, những thứ không giới hạn ở một Miền Nam trước 75, chúng còn nguyên bây giờ, năm năm sau ngày ông mất.

Không một số phận văn chương nào của cả thế kỉ vừa qua, từ vị thế bên lề mà thâm tóm những vấn đề điển hình của văn học và xã hội Việt nam hơn số phận Bùi Giáng. Không một sự nghiệp văn chương nào của cả thế kỉ ấy cần được thôi phận sự huyền thoại, để chỉ là chính nó, văn chương, hơn sự nghiệp của Bùi Giáng. Và khó tìm được một tên tuổi nào thanh thoát hơn để làm một biểu tượng chung cho văn học Việt nam đương đại.

Trong ý nghĩa ấy, tôi đề nghị thành lập một giải thưởng văn chương Việt nam mang tên Bùi Giáng, hàng năm trao vào ngày giỗ ông, 7 tháng Mười, trùng mùa với nhiều giải thưởng văn chương quốc tế quan trọng, cho một tác phẩm sáng tác, biên khảo hay dịch thuật văn học thể hiện mạnh mẽ cái ước vọng mà Bùi Giáng tận mình đi theo, ước vọng tự do và sáng tạo.

© 2003 talawas

## Cuộc gặp gỡ kỳ thú Trịnh Công Sơn và Bùi Giáng Vương Tâm

Sinh thời, người ta nói hai người chơi thân với nhau cũng không hẳn đúng, bởi lẽ mỗi người một tính cách, mặc dù có thời gian nhà hai người ở gần chợ Trương Minh Giảng, Sài Gòn. Thi sĩ Bùi Giáng thì ngông nghênh, lãng du và toả sáng bất cứ hoàn cảnh nào bằng thơ ca, còn nhạc sĩ Trịnh Công Sơn lại dịu dàng, trầm buồn và trĩu nặng với sự cô đơn. Thơ Bùi Giáng luôn phớt tình sự đời, suy tư chông chênh với ý tứ bất ngờ. Còn nhạc của Trịnh da diết nhưng không kém phần bằng lãng trong cõi triết luận vô thường. Mặc dù ngoài đời hai người ít để lại những kỷ niệm sinh hoạt hay giao lưu thân thiết đến mức tạo nên giai thoại. Thậm chí, nhiều năm trước khi mất, Bùi Giáng không còn có dịp lui tới gặp gỡ, trò chuyện với Trịnh Công Sơn vì những sự cố không đáng có, nhưng hai người lại luôn gần gũi nhau về những nỗi niềm nhân sinh và luôn chia sẻ cùng nhau về cái sự vô thường của ý niệm giác ngộ về đời, về đạo của Phật giáo.

Những câu chuyện của hai người đều được ghi lại bằng dấu ấn thơ ca, tựa như sự đùa cợt, giao hoà và tâm đắc. Bùi Giáng đã từng viết những câu thơ trên Trịnh Công Sơn :  
“Công Sơn Trịnh trọng phiêu bồng  
Thưa rằng thơ nhạc có ngần ấy thôi”

Trịnh Công Sơn đối đáp không nhanh nên khó có thể ứng tác, nhưng ông lại bị nhiễm cái nét lạ trong thơ Bùi Giáng để nạp năng lượng cho ca khúc của mình. Theo nhà văn Bảo Trúc nói, thì Trịnh Công Sơn đã mượn của Bùi Giáng một số câu hoặc ý thơ để viết nên những ca khúc rất hay. Nhưng thực ra có sự giao thoa tự nhiên giữa ca khúc và thơ của Bùi Giáng, như trời ban cho vậy, chứ không hẳn là Trịnh mượn câu thơ nào đó rõ rệt. Vì thế có người dẫn chứng rất thú vị ở ca khúc “*Mỗi ngày tôi chọn một niềm vui*” Trịnh Công Sơn có lời hát như : “Mỗi ngày tôi chọn một niềm vui/ Chọn những bông hoa và những nụ cười./ Tôi nhật gió trời, mời em giữ lấy để mắt em cười tựa lá bay...”.

Thì nhà thơ Bùi Giáng cũng có những câu thơ giàu nhạc điệu tương tự trong cấu trúc của bài “*Nhìn thấy*” :

Mỗi sáng tôi nhìn mắt trời mọc trong mây  
Mỗi chiều tôi nhìn mặt trời lặn trong mây  
Suốt ngày tôi lắng tai nghe tiếng chim hót trong lá cây reo  
Và nhìn thấy rất nhiều mùa xuân mênh mông đang đi tới

Có người còn dẫn hai câu khá điển hình mà Trịnh Công Sơn đã mượn ý thơ của Bùi Giáng, đó là lời trong bài hát “Em đi bỏ lại con đường” :

Em đi bỏ lại con đường  
Bờ xa cỏ dại vô thường nhớ em

Tuy nhiên những dẫn chứng ấy chỉ những ai thật thân thiết với hai người mới có thể nói chi tiết. Và lại đó là con số rất ít ỏi trong toàn bộ gia tài âm nhạc đồ sộ của Trịnh. Nhưng đặc biệt, rõ rệt nhất Trịnh Công Sơn đã lấy nguyên câu thơ “Còn hai con mắt khóc người một con” trong bài thơ “Mắt buồn” của thi sĩ Bùi Giáng, để viết ca khúc “Con mắt còn lại” năm 1992.

Mặc dù, Trịnh Công Sơn không đề sáng tác theo ý thơ Bùi Giáng nhưng vẫn dùng nguyên câu “Còn hai con mắt khóc người một con” làm nút mở cho những lời hát rất cuốn hút người nghe. Tuy chỉ có một câu thơ dẫn, nhưng hầu như phần lời đều đậm đặc chất trau tượng của thi sĩ Bùi Giáng. Đó là cảm xúc đối chọi được nén chặt trong kịch tính và ý tứ trùng khít qua hình tượng “Đôi mắt” đầy ám ảnh. Dường như khổ thơ thứ hai của Bùi Giáng trong bài thơ đã được “hoá” hết trong ba phần lời ca khúc của Trịnh Công Sơn.

Bỏ trắng gió lại cho đời  
Bỏ ngang ngựa sóng giữa lời hẹn hoa  
Bỏ người yêu bỏ bóng ma  
Bỏ hình hài của tiên nga trên trời  
Bấy giờ riêng đối diện tôi  
Còn hai con mắt khóc người một con

Còn qua lời ca khúc, cũng thấy sự sáng tạo của Trịnh Công Sơn rất đặc sắc với những câu hát giàu chất bi kịch của tình yêu :

Còn hai con mắt khóc người một con  
Còn hai con mắt một con khóc người  
Con mắt còn lại nhìn một thành hai  
Nhìn em yêu thương nhìn em thú dữ  
Con mắt còn lại ngờ vực tình tôi  
Cuồng điên yêu thương cuồng điên nỗi nhớ...

Có điều thú vị, vào cái đêm năm 1992 ấy, thi sĩ Bùi Giáng **không hề có ý tranh giành về quyền bản quyền** với người bạn của mình, khi có người thắc mắc vì sao nhạc sĩ Trịnh Công Sơn không đề sáng tác theo ý thơ của ông. Có lẽ với tính cách bất cần của thi sĩ họ Bùi thì ông cũng chẳng coi đó là sự xúc phạm. Và hơn nữa, bài thơ “Mắt buồn” của ông đã quá nổi tiếng, vậy thêm một lần đề tên mình lên bản nhạc thì cũng chỉ là thêm được “tiền rượu” mà thôi. Chuyện giữa hai người không ồn ào về bản quyền như giữa nhạc sĩ Trần Quang Lộc và thi sĩ A Khuê trong ca khúc “Về đây nghe em” sau này.

Mọi chuyện nhẹ nhàng, chứng tỏ tình bạn giữa hai người khá sâu sắc, mặc dù bị gián đoạn một thời gian dài. Điều còn lại là thành tựu của cả hai tác phẩm thơ và nhạc đều trở nên bất hủ. Hai người còn giao lưu với nhau, sáu năm sau cho đến khi thi sĩ Bùi Giáng qua đời, năm 1998. Đến viếng cố nhân, nhạc sĩ Trịnh Công Sơn đã viết trong sổ tang những vần thơ, tại chùa Vĩnh Nghiêm, ngỡ như còn đang uống rượu cùng nhau :

Bùi Giang Bàng Dúi Búi Giáng  
Ồ hay trăm ngổ bàng hoàng lỗ không  
Lỗ không trời đất ngổ ngang  
Hoá ra thi thể là ngàn hư vô  
Nhớ thương vô cùng là từ  
Là từ vô hạn ừ ừ viễn vông

Sau này ông còn viết những câu thơ, để kỷ niệm một năm ngày mất của cố thi sĩ, với những lời hết sức buồn :

Thi nhân vĩnh viễn chân trời ấy  
Đảo điên điên đảo bụi trần gian  
Từ ấy tôi buồn như cỏ dại  
Buồn vì một chút bụi lang thang

Thật đặc biệt, thi sĩ họ Bùi vẽ cũng đẹp và lạ, không khác là bao so với tài hội họa của Trịnh. Hai người cũng đã từng vẽ cho nhau. Người nọ vẽ cho người kia một bức chân dung cũng rất lạ và đều được bạn bè lưu giữ cho đến nay.

Sự giao cảm “*vô thường*” của hai ông trong nghệ thuật đã đem lại những cảm xúc cho đông đảo bạn bè trong giới. Nhiều người làm thơ ca ngợi hai ông và cũng nhiều họa sĩ dựng chân dung hai ông với những đường nét và màu sắc độc đáo. Ngay sau khi Trịnh Công Sơn về cõi, nhà điêu khắc Trương Đình Quế ở Đồng Nai đã tạc hai bức tượng lớn, nhạc sĩ Trịnh Công Sơn và thi sĩ Bùi Giáng. Bức tượng toàn thân nhạc sĩ Trịnh Công Sơn, ở tư thế ngồi vắt chân chữ Ngũ, một tay chống cằm, một tay cầm đàn guitar chìm đắm trong suy tư. Còn bên cạnh là bức tượng nhà thơ Bùi Giáng, nom rất sinh động khác với nét tĩnh lặng của tượng Trịnh, người choàng áo mưa, đeo hồ lô rượu bên hông, tay chống gậy, râu tóc phất phơ trong gió, một chú chó nhỏ đu trên vai ông thật ngộ nghĩnh; và là một con mèo, một con gà trống dĩ cùng. Cả hai đều hiện lên đúng tính cách rất khác biệt nhưng lại đầy biểu cảm. Sau hai mẫu tượng này được đúc đồng và đưa về đặt yên vị tại bờ sông Rạch Chiếc, ở Q.2, Sài Gòn.

Có thể nói Trịnh Công Sơn và Bùi Giáng, đều lừng danh và tiêu biểu cho những phong cách thơ, nhạc rất đặc sắc của một trăm năm. Nếu nhạc sĩ Trịnh Công Sơn thành công những cảm xúc và suy tư *đậm tính triết luận gắn gũi với đạo Phật*, chia sẻ và bày tỏ chân thành với người đời, thì ở thơ Bùi Giáng thể hiện sâu sắc một tinh thần *tiêu dao, sắc sắc không không của cõi niết bàn*. Người đời tặng cho ông danh hiệu “*thi sĩ Bồ tát*” vì lẽ đã cảm thụ và yêu thơ ông như thế. Do vậy sự hội tụ trong thi pháp còn kỳ lạ hơn cả tình bạn của hai ông. Tình bạn ấy khó gọi tên bởi nó lúc xa lúc gần, lúc mong manh, khi lại chói loà bởi sự hoà nhập về nhạc điệu, khúc thức, hình ảnh, và ngôn ngữ lẫn tư duy ở cõi thiên vô vi lan toả trong vũ trụ bao la. Đó chính là sự giao cảm vô thường của những kỳ nhân mang hai cái tên : Bùi Giáng và Trịnh Công Sơn.

## Ba ngày với Bùi Giáng Phan thị Như Ngọc



Bùi Giáng  
Bé Ký



“Tháng Năm” ở Sài Gòn khao khát mưa, chói chang phượng vĩ. Tôi đi dọc những lối nhỏ râm ran ve trong công viên Tao Đàn, nghe âm thầm xô tới câu thơ cũ của Appolinaire:

*Tháng Năm về điểm sơn xuyên  
Trên tàn phé dựng muôn ngàn cỏ hoa  
Bây giờ em đứng nơi đâu  
Cỏ trong mình mấy em sâu ra sao*

Bài thơ “Tháng Năm” có những câu sống dai dẳng cùng năm tháng, phần lớn nhờ tài dịch của Bùi Giáng. Và đã bao nhiêu người tốn nhiều giấy mực vì ông, một hiện tượng hơn là một thi nhân. Gần đây nhất, báo Hà Nội đăng nhiều bài về Bùi Giáng thời chần bò chần dê, thời làm thơ, thời mê các kỳ nữ, thời điên loạn khiến nhiều người hiếu kỳ muốn xem mặt nhà thơ. Tiếc thay! Cánh hạc đã bay bổng tuyệt vời....

Tôi thỉnh thoảng nhớ về Bùi Giáng. Mỗi lúc mỗi khác, khi thì nhớ ông, lão già bần thiêu dất một râu chó lồi thoi đứng ngơ ngáo trên đường. Khi thì nhớ tới một lão nông tần mẩn nhặt gạo nấu cơm ăn với muối mè. Cũng không hiếm khi nhớ cặp kính dày cộm cúi trên trang giấy viết, nét bút như trẻ con, to và không thẳng hàng cho mấy. Còn thì chưa dám nói với ai rằng nhớ Bùi Giáng, một ông già phóng đảng say sưa nằm mọp xuống nhìn phụ nữ...làm ra mưa móc (xin lỗi!)

Hình ảnh về Bùi Giáng xa xưa cứ đan vào nhau rối rắm, ảo thì không phải là thực e chừng cũng không phải. Tất cả bắt đầu từ mấy ngày trước năm 75. Tôi và “chàng” chia share phòng chung trên một đại học nọ. Do một nhân duyên ngắn ngủi, trớ trêu!

Người bạn trai tôi là một tăng nhân, làm việc gì đó trong trường này. Quen nhau nhiều năm, anh ta khiến tôi làm thơ, mơ mộng kha khá dĩ nhiên toàn mơ về những nơi chẳng ăn nhập gì tới niết bàn. Áo cà sa chỉ là một lớp vỏ, còn thực chất thì không phải, trần tục và bí hiểm. Tôi biết một ít về hoạt động của anh, vừa đủ để có cảm giác mạnh.

Mùa đông Đà Lạt, nơi tôi ở có một cây đào nở sớm. Sáng chiều ngắm hoa, tôi nảy ra ý nghĩ, chừng nào hoa nở năm mươi bông ta sẽ tặng đôi mắt màu mây tuyệt đẹp của...người. Khi đem cành hoa xinh xinh hồng thắm đi 300 cây số, tôi đã mua cho hoa một ghé cạnh mình, cành hoa cắm trong xô nước không bị dập dũ chỉ là một cánh lụa mỏng manh.

Bước lên lầu bốn, tìm tôi đập rộn ràng. Không báo trước, tự nhiên hiện ra như tổ nữ trong tranh, mắt tình tứ, môi chúm chím. Tôi nghĩ con gái thích làm như thế đối với chàng trai cô ta yêu. Nhưng ra mở cửa không phải là...mà là...

Không có trận mưa hồn nào cả. Chỉ có đôi mắt tròn xoe lóng lánh trẻ thơ của người mà sau này tôi biết là Bùi Giáng. Đôi má tôi đỏ chín và cả cành hòa đào...Tất cả đều trẻ trung, chan chứa sắc xuân. Tôi chôn chân ngoài cửa một phút, rồi đi lui, mặc cho tiếng gọi sau lưng. Chàng của tôi gãi đầu bối rối, ông này mới đạt về mấy hôm. Mấy phòng khác chật hết cho nên tạm thời xếp ông ở chung. Thôi thì...Mấy câu “thôi thì” liên tiếp bày ra một cảnh dở khóc cho tôi, dở cười cho Bùi Giáng. Hai tôi share một phòng, còn chủ nhân ôm gối lên thư viện hàng đêm. Hoa đào đâu biết tôi khổ, vẫn yêu kiều tôi sáng một góc bàn làm việc. Tôi đếm được 56 bông nở. Lại làm thăm. Đủ 100 thì ta về. Ngồi ngắm Bùi Giáng trên cái vạt giường kê dưới đất, xa tít cuối phòng, tôi chán quá. Ông nội này có tập thơ *Mưa Nguồn, Lá Hoa Cỏn*. Tôi biết. Viết về M. Heidegger rồi lảng nhảng cái gì về *Thi Ca Tư Tưởng*, rồi dịch *Nhà Sư Vương Lụy, Hamlet, Cõi Người Ta*...Nhiều thứ, nhiều tài. Nghe khen nhiều, bây giờ mới thấy con người trước mắt tôi, sao mà xoàng xĩnh, và lạng lẽ! Suốt buổi chiều chàng của tôi đi làm. Tôi chỉ ngồi ngắm hoa và nhìn xuống Bùi Giáng. Không dám đi đâu một mình. Bùi Giáng nói tự nhiên, cô viết thư cho nó, nó cho tôi coi hết. Cũng hay đó...Tôi ngẩn người. Còn hơn cả giận. Những bức thư riêng tư của tôi, tôi tưởng chỉ một người xem. Té ra cả ông này cũng “duyet”. Còn khen hay mới lạ đời!

Bùi Giáng nhỏ người, mặc bộ bà ba trắng rộng. Chung quanh ông ngồi là mùng màn, quần áo, mấy cái bị giang hồ bừa bộn. Chưa đủ linh kính, còn thêm một lồng chim cút dưới chân giường, cái siêu sắc thuốc, cái bếp dầu, soong nồi...Cứ như đàn bà nhà quê đi tản cư...Ông chỉ đóng

sách vở, giấy bút trên đầu giường, vấy tôi, những cái này hay, qua đây coi. Tôi ghé đọc một mớ ngôn ngữ kiếm hiệp, lác đác hỏi bác viết làm gì cái này. Bùi Giáng lác đác, dịch, không phải viết, là Kim Kiếm Điêu Linh của Ngọa Long đó.

Tôi nhìn nồi cơm đang sôi, màu đỏ quạch và chén muối mè thơm thơm, hiểu là ông đang theo phương pháp Oshawa ăn gạo lức, muối mè. Bác bị làm sao mà ăn uống cực vậy? Bị điên! Sao lại có thể nói tỉnh táo về khái niệm không tỉnh táo thế nhỉ. Điên mà còn biết là điên thì có thực điên không? Tôi hỏi như vậy. Ông nói tự nhiên, điên thật chứ. Mỗi khi gần tới cơm thì đón xe lên Biên Hòa. Mấy ông trong đó quen. Bớt thì lại ra. Tôi hơi hãi. Không biết bây giờ ông đang sắp thế nào? Đã “sắp” chưa!?

Hoa không còn tươi như hôm qua, nhiều cánh lá tả rụng trên bàn. Hy vọng hoa nở 100 cái cho ngày mai, ngày mốt xem như là không thể. Tôi nhớ núi và sương mù trên các dãy đồi nhuộm nắng quái của mình, cả hồ nước, cả cái lạnh cắt da cắt thịt buổi sáng tới trường. Ở đây, nóng và tù túng, sợ phập phồng một người chả biết lúc nào tỉnh lúc nào điên. Chàng của tôi bảo Bùi Giáng rất hiền, chỉ phải mỗi tội ở dơ, lại luộm thuộm, không chỗ nào muốn chữa lâu. Em chịu khó mấy bữa, để nói ông ta đi chỗ khác. Tôi lác đác, khỏi cần! Hoa ơi! Mộng và thực chả bao giờ là một. Bế bàng cho cả hai ta? Về thôi!

Buổi tối, tôi cuộn mình trên giường không ngủ, cũng không đọc gì. Nghe đi nghe lại Mozart. Nhớ không khí phòng trà ấm áp và vui vui hồi nãy. Mấy anh lóm nói chuyện tiếng Pháp với nhau, tôi và mấy anh em chọc nhau chí chöhe. Họ gọi tôi là sơn nữ....

Thấy tôi vào nhà tắm, Bùi Giáng bật dậy, vào theo. Tôi tái mét. Ông ta ôn tồn. *Cho coi một chút thôi. Cô ngồi xuống tưới cỏ cây đi, tui nằm coi.* Mát mẻ con mát vậy mà, mai mốt cỏ trên mồ cũng mát theo. Trời ơi! Toàn “m” mát mẻ, mai mốt, mồ mả,...lùng bùng đầu óc. Tôi không giận, nghĩ ông ta không đùa giỡn, suồng sã. Chỉ là ngạc nhiên. *Sao lại lúc này, lại là tôi.* Những “mẫu thân” của ông đâu hết? Tại sao *ông trở đi trở lại câu thơ Nguyễn Du “Sè sè nắm đất bên đường, dàu dàu ngọn cỏ nửa vàng nửa xanh”* khi nằm nhai gạo lức trong bóng đêm?

Tôi biết ông từng học với Phan Khôi, từng lậm chuyện Kiều, giỏi nhiều ngoại ngữ, lăn lộn với thế giới triết đông triết tây, viết như đùa giỡn mọi người, sống múa may điên dại nhiều phen. Nhưng để làm gì những thứ đó. Có cần phải băng qua ý thức, qua vô thức, phá chấp tiệt để trước khi tái sinh thành trẻ thơ? Tôi hỏi như vậy. Nhưng Bùi Giáng không nói gì. Ngày hôm tôi quyết định từ đỉnh núi leo xuống mặt đất, hoa đào ngưng nở ở con số 59. Còn xa mới tới 100. Niết bàn ơi, xa quá! Tôi sẽ lên xe vào buổi trưa. Bùi Giáng đi đâu không biết. Giường chiếu như bãi chiến trường. Kiến và gián đang lục lọi nồi cơm đang ăn dở. Không thấy cái lồng chim cút nữa, chỉ thấy mấy tờ giấy viết chữ trẻ con rất to: “Lễ hội tháng ba...Bà Trời gửi ông Trời...Bà Khổng Tử gửi ông...” theo gió bay loạn. Tôi tần ngần. Một mảnh giấy có chiếc dép chận ngang, nằm dưới đất, rõ ràng viết cho tôi: “Đợi một ngày, còn chuyện nhờ đó”

Chuyện nhờ vẫn là chuyện cũ, song thái độ thiết tha và ánh mắt trẻ con rưng rưng chỉ cần tôi nói không là òa khóc khiến tôi cảm lòng không được, lấy câu Kiều “Đà lòng dậy đến, dạy thì xin vâng” trút bớt xiêm y, ngồi xuống, và...mưa.

Bùi Giáng nằm dán mắt nhìn mưa móc cỏ hoa và mặt đất tràn bờ, dập dềnh. Mặt ông chói rực luồng sáng riêng tư, hoàn toàn không thể hiểu biết và chia sẻ. Mái đầu nhiều tóc bạc, gương mặt dãi dầu, gầy gò, hai tay nhăn nhúm đen xạm...tất cả như nở hoa, hân hoan từ mặt đất, mặt nước trên lầu 4. Dưới đường vẫn ngược xuôi xe cộ, tiếng động của đời sống con người vẫn vọng lên đều đặn. Không ai biết mắt người điên Bùi Giáng sáng và đẹp rực rỡ...

Giải phóng xong, từ Đà Lạt tôi về Sài Gòn. *Chàng của tôi hoàn tục*, nhanh chóng thành một người tôi không thích. *Đại học nọ không còn như xưa.* Xuống cấp đến đau lòng khi đổi chủ. Tôi lên lại căn phòng cũ, có cảm giác ngơ ngẩn như Lưu Thành Nguyễn Triệu mất dấu nguồn đào. Mới một hai năm mà dấu bề chóng mặt!

Càng chóng mặt hơn khi gặp lại Bùi Giáng trước cửa trường. Ăn mặc nhếch nhác, đủ thứ giẻ xanh đỏ trên người. Một mớ xích lằng nhằng. Đầu mỗi sợi xích là một con chó, con khỉ. Như người Bohemien. Khổng! Như người côi khác thì đúng hơn. Tôi gọi. Ông quay lại, đôi mắt như hai vũng nước mưa trong vắt, không in chút hồi ức con người, không nhận ra người con gái từng ôm hoa đào vào phòng, *ở chung ba ngày và tặng ông một cơn mưa mãi mãi*. Tôi không dám thốt ra chữ điên.

Ngày Bùi Giáng mất, tôi đang ở xa, vật lộn với cảnh ngộ. Khi thoát ra được thì mọi sự đã xong. Tôi không chào ông, không theo lời dặn xưa tha thiết *“Chừng tui chết, cô ngồi lên mộ tui...Ngậm cười chín tuổi vẫn còn thơm lây”*. Cũng không buồn biết nơi chôn ông. Ngày tôi mất, nơi chôn tôi và những cơn mưa nữa. Tôi còn chưa lo nỗi thân mình!

Sinh thời có nhiều người “lạm” ông, bắt chước từ lối múa may tay chân cho chí múa may thơ thần của thần tượng như khi bắt chước người, cũng có phần giống giống. Nhưng đôi mắt của ông là sự kỳ diệu trời ban, không ai sao chép nổi vẻ ngây thơ tuyệt đỉnh của nó. Bùi Giáng nói năng nhỏ nhẹ nhưng Bùi Giáng lại gây ồn ào tranh cãi cho những người nghiên cứu về ông. Tầm vóc ông thấp nhỏ, gầy gò, đi đứng nằm ngồi chẳng choán chỗ mấy không gian. Thế mà cái bóng của ông hắt vào văn học miền Nam trước năm 75 sừng sững một biên thù riêng, vượt thời gian.

### *Tháng Năm về điểm sơn xuyên Trên tàn phế dựng muôn ngàn cỏ hoa*

Bùi Giáng đã có một “Tháng Năm” đầy hoa cho mình. Thịnh thoảng nhớ những ngày ngắn ngủi bên ông, tôi hay đọc lại bài “Tháng Năm”, không dám giải mã con người mà tôi chỉ mới chạm vào lớp vỏ bên ngoài trong ba ngày ngắn ngủi trên tầng trời thứ 4 năm xưa.

*Chàng của tôi bây giờ có vợ con đề huề, xách cặp chạy trường cần mãi. Tôi thấy có vài lần, và tiếc cho đóa anh đào điểm lệ nằm cũ.* Với chàng, xem ra không cần một “Tháng Năm”. Người xa tôi nửa vòng trái đất, không có đôi mắt như vũng nước mưa đọng cả mây trời viễn xứ, không có cỏ hoa, chỉ có tâm hồn phế tích từ những năm tháng nhọc nhằn quá sức. Phải chi anh trẻ thơ được và quên được nhiều điều như thi sĩ họ Bùi kia và đọc được bài viết này... Những bông hoa đào của tôi nay đã nở trăm bông. Thật tiếc!

*Phụ đính:*

*“Chàng” là nhà thơ Phạm Thiên Thu.,  
thời gian này ông ở Viện Đại Học Vạn Hạnh...*

\*\*\*

**Phụ đính**

## **Nhà thơ Bùi Giáng và tuyển tập 10 bài thơ hay được yêu thích nhất Phan Ngọc Hoan**

Bùi Giáng sinh năm 1926 tại Thanh Châu, Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam, con thứ của ông bà Bùi Thuyền và Huỳnh Thị Kiều. Ông được văn giới, không phân biệt không gian thời gian, yêu mến trọng vọng. Ông được xem như một “ngôi sao” trên vòm trời văn hoá văn nghệ miền Nam trước đây, được không ít độc giả xưng tụng là “thiên tài”, là “bậc thượng trí”, là “đáng tiêu biểu hơn cả về thi ca bây giờ và có lẽ... vạn đại” và tôn ông làm “thần tượng”.

Bùi Giáng qua đời lúc 2h chiều ngày thứ tư, 7-10-1998 tại bệnh viện Chợ Rẫy. Cố nhạc sĩ Trịnh Công Sơn, khi viếng linh cữu Bùi Giáng, đã viết lưu niệm trong sổ tang như sau:

Bùi Giang Bàng Dúi Bùi Giàng  
Ồ hay trăm ngộ bàng hoàng lỗ không  
Lỗ không trời đất ngõ ngang  
Hoá ra thi thể là ngàn hư vô  
Nhớ thương vô cùng là từ  
Là từ vô tận ừ ừ viễn vông

(Trịnh Công Sơn – 1998)



Trịnh Công Sơn vẽ Bùi Giáng

Thơ ông đa số là thơ lục bát, “tiên”, chứ không “tục”. Ông cũng là một nhà thơ mà nhiều người cho rằng “kỳ quặc”. Ai đã từng tiếp xúc Bùi Giáng trong trang sách lẫn ngoài cuộc đời, hầu như chưa thể bình luận gì về ông. Và sau đây, tôi sẽ gửi đến các bạn 10 bài thơ được nhiều độc giả yêu thích và được cho rằng là 10 bài thơ hay nhất của ông – nhà thơ Bùi Giáng.

Mời các bạn cùng thưởng thức những bài thơ hay nhất của Bùi Giáng sau đây:

## 1, Vì sao khùng

Vì yêu dấu quá Nàng thơ  
Vớ em vô tận nên ngỡ ngẩn buồn  
Thần tiên Thánh Phật bao dung  
Hiểu lòng tôi lắm – tôi khùng vì thơ.

## 2, Mai sau em về

Em về mấy thế kỷ sau  
Nhìn trắng có thấy nguyên màu ấy không  
Ta đi còn gửi đôi giòng  
Lá rơi có dội ở trong sương mù?  
Những thương nhớ lạnh bao giờ  
Đường thu chia ngã chân trời rộng thênh  
Đây phần hoa của thị thành  
Đây hồn thủy thảo khóc tình ngựa ngang  
Càn khôn xưa của riêng chàng  
Xưa đài vũ trụ thiếp mang riêng mình

Bây giờ đón bước em xinh  
Sầu đầu nhan sắc bất bình ra sao

### 3, Chào Nguyên Xuân

Xin chào nhau giữa con đường  
Mùa xuân phía trước miền trường phía sau  
Tóc xanh dù có phai màu  
Thì cây xanh vẫn cùng nhau hẹn rằng  
Xin chào nhau giữa lúc này  
Có ngàn năm đứng ngó cây cối và  
Có trời mây xuống lân la  
Bên bờ nước có bóng ta bên người  
Xin chào nhau giữa bàn tay  
Có năm ngón nhỏ phơi bày ngón con  
Thưa rằng những ngón thon thon  
Chào nhau một bận sẽ còn nhớ nhau  
Xin chào nhau giữa làn môi  
Có hồng tàn lệ khóc đời chữa cam  
Thưa rằng bạc mệnh xin kham  
Giờ vui bất tuyệt xin làm cỏ cây  
Xin chào nhau giữa bụi đầy  
Nhìn xa có bóng áng mây nghiêng đầu  
Hỏi rằng: người ở quê đâu  
Thưa rằng: tôi ở rất lâu quê nhà  
Hỏi rằng: từ bước chân ra  
Vì sao thấy gió đàn xa dặm dài  
Thưa rằng: nói nữa là sai  
Mùa xuân đương đợi bước ai đi vào  
Hỏi rằng: đất trích chiêm bao  
Sá gì ngẫu nhĩ mà chào đón nhau  
Thưa rằng: ly biệt mai sau  
Là trùng ngộ giữa hương màu Nguyên Xuân

### 4, Ông điên

Ông điên từ bữa hôm qua  
Tới hôm nay nữa gọi là ba hôm  
Thanh thiên về dự hội đàm  
Thành thân thiên hạ muôn vàn mai sau

\* \* \*

Ông điên từ một lần đầu  
Tới lần đuôi đứt ruột rầu rĩ đau  
Tuyệt mù biển cạn sông sâu  
Bụi hồng tản mác trước sau bây giờ.  
1996

## 5, Anh về Bình Dương

Anh về đất rộng Bình Dương  
Trái cây và lá con đường cỏ xanh  
Mỗi người nắng ngọt vẫy quanh  
Nụ cười Nam Việt yên lành bấy nay  
Em về đẩy mộng lên vai  
Chào xuân ngả nón bụi ngày gió ru  
Mừng vui con mắt ngây thơ  
Mây nghiêng như lệ pha mờ chiêm bao  
Yêu nhau cảm động đường nào  
Anh về đất rộng cúi chào Bình Dương.

## 6, Phụng hiến

*Con có nghĩ: ắt là phải thế  
Một đôi lần con ghi siết hai tay  
Nàng thơ đẹp của trần gian ứa lệ  
Bảo con rằng: hãy nhớ lấy phút giây  
B.G.*

Ngày sẽ hết tôi sẽ không ở lại  
Tôi sẽ đi và chưa biết đi đâu  
Tôi sẽ tiếc thương trần gian mãi mãi  
Vì nơi đây tôi sống đủ vui sầu  
Cây và cối bầu trời và mặt đất  
Đã nhìn tôi dưới sương sớm trăng khuya  
Mở buồng phổi đón gió bay bát ngát  
Dừng bên sông bến cát buổi chia lìa  
Hoàng hôn xuống, bình minh lên nhịp nhịp  
Ngàn sao xanh lùi bước trước vừng hồng  
Ngày rục rở đêm êm đêm kế tiếp  
Đón chào tôi chung cười khóc bao lần  
Tôi đã gửi hồn tôi biết mấy bận  
Cho mây xa cho tơ liễu ở gần  
Tôi đã đặt trong bàn tay vạn vật  
Quả tim mình nóng hổi những chờ mong  
Sông trắng quá bảo lòng tôi mở cửa  
Trăng vàng sao giục cánh mộng tung ngàn  
Gió thổi giầy lụa mơ vào bốn phía  
Ba phương trời chung gục khóc đêm giông  
Những giọng lệ tuôn mấy lần khác khối  
Những nụ cười tròn mấy bận hân hoan  
Những ngoảnh mặt im lìm trong ái ngại  
Những bắt tay xao động với muôn vàn  
Những người bạn xem tôi như ruột thịt  
Những người em dâng hết dạ cho tôi  
Những người bạn xem tôi là cà gặt  
Những người em không vẹn nghĩa mắt rời

Trần gian hỡi? tôi đã về đây sống  
Tôi đã tìm đâu ý nghĩa làm than  
Tôi ngẩng mặt ngó ngàn mây cao rộng  
Tôi cúi đầu nhìn mặt đất thấp đen  
Tôi chấp thuận trăm lần trong thổn thức  
Tôi bàng hoàng hốt hoảng những đêm đêm  
Tôi xin chịu cuồng si để sáng suốt  
Tôi đui mù cho thoả dạ yêu em  
Tôi tự nguyện sẽ một lần chung thủy  
Qua những lần buồn tủi giữa đảo điên  
Thân xương máu đã đành là uỷ mị  
Thì xin em cùng lên thác xuống ghềnh  
Em đứng mũi anh chịu sào có vững  
Bàn tay bưng đĩa muối có chắm gừng  
Tôi đã nguyện yêu trần gian nguyên vẹn  
Hết tâm hồn và hết cả da xương  
Xin yêu mãi yêu và yêu nhau mãi  
Trần gian ôi! cánh bướm cánh chuồn chuồn  
Con kiến bé cùng hoa hoang cỏ dại  
Con vi trùng cùng sâu bọ cũng yêu luôn  
Còn ở lại một ngày còn yêu mãi  
Còn một đêm còn thờ dưới trăng sao  
Thì cánh mộng còn tung lên không ngại  
Núi trời xanh tay với kiếng chân cao  
Nhưng em hỡi trần gian ôi ta biết  
Sẽ rời ra vĩnh biệt với người thôi  
Ta chết lặng bó tay đầu lắc  
Đài xiêu ôi xuân sắp rụng mất rồi  
Đêm ứa lệ phồng mi hai mắt  
Bàn tay ta nhỏ như lá cây khô  
Mình hoa rã đầm đìa sương theo móc  
Đỡ làm sao những cánh tiếp nhau rơi  
Ta gửi lại đây những lời áo nã  
Những lời yêu thương phụng hiến cho em  
Rồi ta gục đầu trên trang giấy hão  
Em bảo rằng  
– Đừng tuyệt vọng nghe không  
Còn trang thơ thắm lại với trời hồng

## 7, Mất buồn

*Dặm khuya ngất tạnh mù khơi*  
(Nguyễn Du)

Bóng mây trời cũ hao mòn  
Chiêm bao não động riêng còn hai tay  
Tắm thân với mảnh hình hài  
Tắm thân thể với canh dài bão giông  
Cá khe nước cống lên đồng  
Ruộng hoang mang khóc đêm mông một giếng

Tạ từ tháng chạp quay nghiêng  
Âm trang sử lịch thu triền miên trôi  
Bỏ trắng gió lại cho đời  
Bỏ ngang ngựa sóng giữa lời hẹn hoa  
Bỏ người yêu bỏ bóng ma  
Bỏ hình hài của tiên nga trên trời  
Bây giờ riêng đối diện tôi  
Còn hai con mắt khóc người một con

## **8, Ai đi tu**

Trời sầu đất muộn thế ru  
Ban đầu em đã đi tu vội vàng  
Chân trời oán hận tràn lan  
Lối từ phương trượng u hàn niêm hoa  
Bây giờ nói lại người ta  
Gẫm rằng thiên hạ ai là đi tu.

## **9, Thương em**

Thương em thương nhớ những ngày  
Nhớ em như thể nhớ hoài mai sau  
Nhớ em muôn một mộng đầu  
Mà em nhớ mãi mối sầu tương lai  
Cậy em cậy suốt dặm dài  
Tận cùng khổ cực đắng cay cầm bằng  
Yêu em có thể bảo rằng  
Yêu là rất mực hằng hằng không yêu

## **10, Trăm năm tấm gọi**

Trăm năm tấm gọi dưới trời  
Ngày thì tấm nắng tối rồi tấm trăng  
Nhớ em tấm với chị Hằng  
Tận cùng tấm với ngọn đèn cô đơn